



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2017

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN HẠNH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Quý vị Cổ đông, Khách hàng, Đối tác

Năm 2017 đã đi qua với không ít sóng gió và đổi thay nhưng cũng là năm SASECO thể hiện được nỗ lực kinh doanh, thành công trên góc độ hiệu quả và phát triển bền vững. Thương hiệu SASECO tiếp tục được khẳng định là một thương hiệu mạnh,

Năm 2017 cũng là năm đánh dấu sự thay đổi lớn đối với cá nhân tôi khi được đảm nhiệm trọng trách Chủ tịch Hội đồng Quản trị SASECO, đại diện và đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông SASECO. Với trọng trách mới này tôi có thể dành nhiều thời gian hơn cho việc cùng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám Đốc hoạch định chiến lược, giám sát và tham gia hỗ trợ chỉ đạo hoạt động của SASECO.

được xếp hạng là một trong 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam và nằm trong Top 10 nhà bán lẻ uy tín nhất năm 2017 theo công bố của Công ty cổ phần báo cáo đánh giá Việt Nam (Việt Nam Report); được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) xếp hạng Top 10 doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam 2017,

Nhìn lại năm 2017, Tổng doanh thu của SASCO năm 2017 đạt 2.515 tỷ đồng, hoàn thành đạt 110% kế hoạch trong đó doanh thu từ các hoạt động sản xuất kinh doanh chính đạt 2.369 tỷ đồng đạt 107% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế năm 2017 đạt 349,8 tỷ đồng, đạt 158% kế hoạch. SASCO tiếp tục giữ vững vị thế là nhà cung cấp dịch vụ phi hàng không dẫn đầu tại Cảng HKQT Tân Sơn Nhất. Với

những nỗ lực của SASCO và những kết quả đạt được, tôi cũng như các thành viên Hội đồng Quản trị đều cảm thấy rất phấn khích và tự tin vào tương lai.

Chiến lược và định hướng của SASCO được quyết định bởi tập thể Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc sẽ thực thi những quyết định này. Vai trò của Ban Kiểm Soát cũng rất quan trọng trong việc giám sát các hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc, giúp cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc có những cập nhật, điều chỉnh kịp thời các hoạt động theo đúng kế hoạch đã đề ra, vì vậy các cổ đông có thể đặt niềm tin vào bộ máy quản trị, điều hành và định hướng phát triển, tăng trưởng bền vững của SASCO. Nhìn về tương lai, năm 2018 sẽ còn nhiều việc phải làm, các cổ đông sẽ tiếp tục

được thấy SASCO thay đổi cả về chất và lượng. SASCO tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ mạnh mẽ hơn nữa để mở rộng quy mô hoạt động, tận dụng được cơ hội của thị trường, có hiệu quả hơn và không ngừng nâng cao khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn về quản trị, an toàn tài chính và quản lý rủi ro theo thông lệ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị SASCO, tôi cam kết sẽ theo sát các kế hoạch phát triển của SASCO, đảm bảo thực hiện vượt các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Theo đó, năm 2018, tổng doanh thu của SASCO ước đạt 2.625 tỷ đồng, tăng 4,4% so với năm 2017 trong đó doanh thu thuần SXKD ước đạt 2.499 tỷ đồng, tăng 5,5% so với năm 2017, lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 370 tỷ đồng, tăng 5,9 % so với năm 2017.



NGUYỄN HẠNH
Chủ tịch Hội đồng quản trị

NỘI DUNG

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nội dung

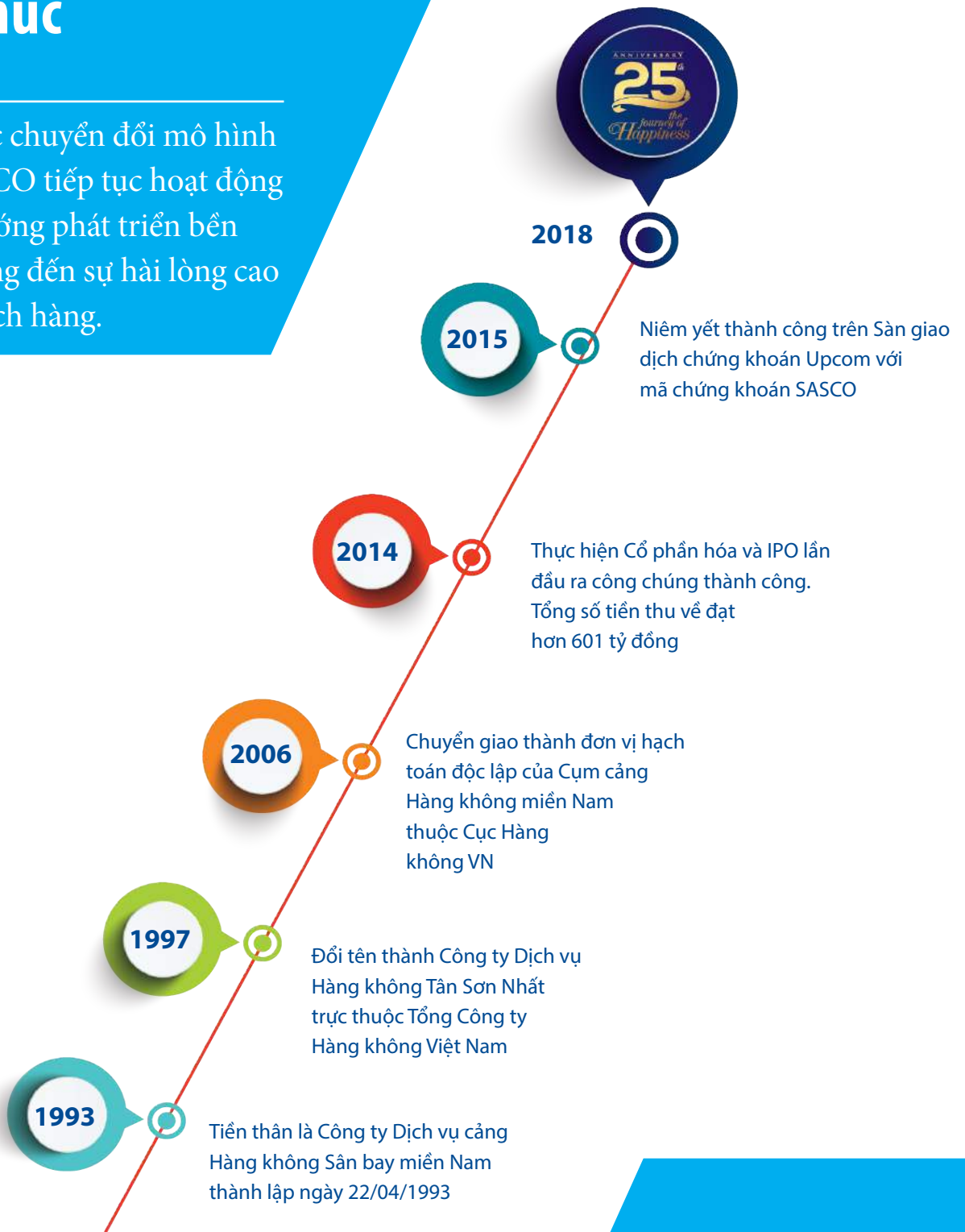
Hành trình hạnh phúc	01
Ngành nghề và đặc điểm thị trường kinh doanh	03
Sản phẩm dịch vụ và địa bàn kinh doanh	04
Định hướng kinh doanh	17
Thông tin tài chính cơ bản	19
Báo cáo Ban Giám đốc	23
Tổng quan môi trường kinh doanh	25
Báo cáo hoạt động kinh doanh	26
Báo cáo tình hình đầu tư	30
Báo cáo nguồn nhân lực	31
Khẳng định vị thế Công ty	33
Cải tiến về hoạt động kinh doanh	35
Quản trị rủi ro	37
Kế hoạch sản xuất kinh doanh	39
Báo cáo quản trị	41
Mô hình tổ chức	43
Các khoản đầu tư góp vốn	44
Thông tin cổ đông & cổ phần	45
Hội đồng quản trị	47
Ban Giám đốc	49
Ban Kiểm soát	50
Báo cáo Hội đồng quản trị	51
Báo cáo Ban Kiểm soát	56
Báo cáo phát triển bền vững	59
Báo cáo tài chính kiểm toán	63

Chúng tôi là SASCO

Tên công ty	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất
Tên Tiếng Anh	Southern Airports Services JSC
Tên viết tắt	SASCO
SLCP lưu hành	133.481.310 cổ phiếu
Địa chỉ	Sân bay Quốc Tế Tân Sơn Nhất, P.2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Tel	(028) 3844 8358
Fax	(028) 3844 7812
Giấy ĐKDN	0301123125
Website	www.sasco.com.vn

Hành trình hạnh phúc

Cùng với việc chuyển đổi mô hình tổ chức, SASCO tiếp tục hoạt động theo định hướng phát triển bền vững và hướng đến sự hài lòng cao nhất của khách hàng.



TẦM NHÌN THƯƠNG HIỆU

Xác định tầm nhìn trở thành công ty cung cấp dịch vụ phi hàng không tốt nhất Việt Nam, tạo nền tảng để tham gia thị trường nước ngoài.



SỨ MỆNH

SASCO mang sứ mệnh trở thành công ty hiểu biết sâu sắc và thực hiện tốt triết lý kinh doanh:

- Với nhân viên: Có môi trường làm việc tốt nhất cho nhân viên, là nơi những nhân tài hội tụ cùng nhau xây dựng công ty phát triển bền vững và cùng chia sẻ thành tựu đạt được.

- Với nhà cung cấp: Là đối tác tốt nhất của nhà cung cấp, hỗ trợ tối đa và chia sẻ với nhà cung cấp để cùng đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ.
- Với khách hàng: Là đối tác tốt nhất của khách hàng, luôn đem đến cho khách hàng sự tin cậy với cam kết chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất.

- Với các cổ đông - gia tăng giá trị doanh nghiệp và duy trì lợi nhuận đầu tư bền vững cho các cổ đông.
- Với môi trường - cộng đồng: Luôn ưu tiên đưa nhiều giải pháp công nghệ "xanh" vào sử dụng để hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và thân thiện với môi trường, với cộng đồng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Xây dựng văn hóa công ty theo định hướng: trung thực, trách nhiệm, cộng đồng. Xác định rõ nhân sự là tài sản lớn nhất của công ty, chính sách của công ty phải luôn hướng đến mục tiêu để xây dựng và đào tạo được đội ngũ nhân sự tốt nhất, đồng thời có chính sách trọng dụng nhân tài, hỗ trợ và đào tạo để tất cả nhân viên trở thành người giỏi nhất trong lĩnh vực của mình. Từ đó hướng đến mục tiêu mỗi nhân viên là một chuyên gia.

Tạo nên những cá nhân xuất sắc trong một tập thể năng động, đoàn kết. Xây dựng đội ngũ làm việc có tư duy, luôn độc lập và chủ động. Có tinh thần luôn luôn đổi mới, luôn luôn cải tiến trong mọi lĩnh vực.

Xây dựng văn hóa cải tiến và đổi mới mọi lúc mọi nơi, cải tiến mỗi ngày để từ đó có một đội ngũ luôn chủ động tiên phong trong đổi mới và tiếp thu công nghệ, kỹ thuật cao. Liên tục cải tiến trên mọi lĩnh vực để trở nên tốt hơn và tốt nhất.

Liên tục cập nhật kiến thức quản lý cho đội ngũ lãnh đạo và luôn trao cơ hội cho nhân sự trẻ để đào tạo đội ngũ quản lý kế thừa.

Liên tục cải tiến quy trình quy chuẩn và hệ thống quản lý công ty hướng đến mục tiêu trở thành công ty có hệ thống quản lý tốt nhất, tiếp cận hệ thống quản lý hiện đại của thế giới.

Sự hài lòng của khách hàng là mục tiêu cốt lõi và là động lực phát triển của công ty. Do vậy công ty kiên trì xây dựng và duy trì mục tiêu: 100% sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng được đánh giá tốt, để từ đó hướng đến mục tiêu xây dựng công ty có sản phẩm và dịch vụ tốt nhất thị trường.

Phát triển công ty đi cùng trách nhiệm với cộng đồng và môi trường, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và tôn trọng môi trường sống.

Ngành nghề và đặc điểm thị trường kinh doanh

Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ hàng không với vai trò cung cấp các dịch vụ thương mại tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất.

Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Cơ cấu thị trường cảng hàng không

Hiện tại, hệ thống cảng hàng không Việt Nam gồm 22 cảng hàng không dân dụng trải rộng trên khắp cả nước, được quản lý, điều hành và khai thác bởi Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV).

Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) hiện là đơn vị khai thác, quản lý các cảng hàng không ở Việt Nam.

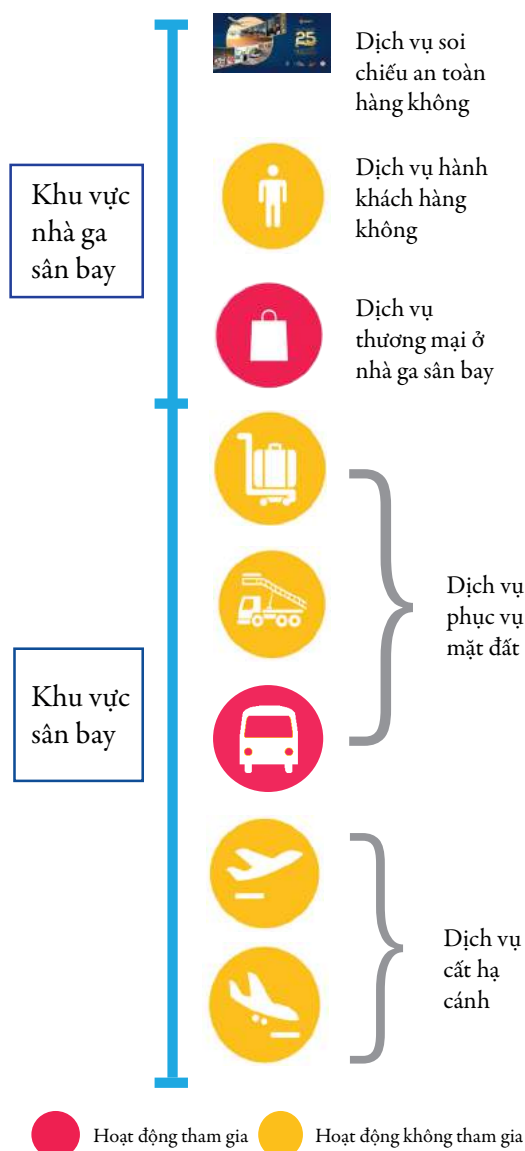
Các hoạt động kinh doanh của cảng hàng không gồm dịch vụ hàng không và dịch vụ thương mại có quan hệ tương hỗ mật thiết với nhau do cùng dựa trên khối tài sản là nhà ga và khu vực sân bay. Trong đó, các dịch vụ thương mại hàng không bao gồm cho bán hàng miễn thuế, bán lẻ hàng hóa, dịch vụ phòng khách, dịch vụ ăn uống... Hiệu quả hoạt động kinh doanh thương mại này tùy thuộc vào vị trí và lợi thế kinh doanh của từng cảng. Lợi thế này thể hiện qua lưu lượng hành khách sức mua hành khách đi qua cảng và các mức phí dịch vụ.

Cơ chế giá dịch vụ

Nhà Nước thiết lập cơ chế quản lý giá các dịch vụ hàng không và giá các dịch vụ phi hàng không thiết yếu, đối với các dịch vụ phi hàng không khác được thực hiện theo nguyên tắc phi độc quyền, phù hợp thị trường.

Nhà Nước quản lý và kiểm soát giá các dịch vụ phi hàng không thiết yếu, cụ thể các mặt hàng phổ thông không được bán giá quá cao so với mặt bằng chung trên thị trường

Chuỗi giá trị hoạt động kinh doanh hàng không tại sân bay





SESCO

ANNIVERSARY

25th
the
*Journey of
Happiness*



Sản phẩm dịch vụ và địa bàn kinh doanh

SESCO hoạt động trong các lĩnh vực chính bao gồm: (1) kinh doanh miễn thuế; (2) kinh doanh bán lẻ hàng hóa; (3) kinh doanh dịch vụ phòng khách (4) Các hoạt động khác.

Sản phẩm dịch vụ kinh doanh

Sản phẩm dịch vụ chính của SESCO là kinh doanh bán lẻ bao gồm bán hàng miễn thuế, hàng hóa tại sân bay; kinh doanh dịch vụ bao gồm dịch vụ phòng khách, ẩm thực, khách sạn....; và các hoạt động kinh doanh khác...

Địa bàn hoạt động

Địa bàn hoạt động của SESCO tập trung chủ yếu ở thành phố Hồ Chí Minh, khu vực sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, ngoài ra SESCO cũng thực hiện kinh doanh dịch vụ tại khu vực Phú Quốc với dịch vụ taxi Phú Quốc, dịch vụ khách sạn Blue Lagoon Resort....

Là doanh nghiệp có vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực cung cấp hàng hóa và dịch vụ tại sân bay Tân Sơn Nhất.

Trong thời gian qua SESCO đã phát triển và xây dựng bộ chuỗi nhận diện thương hiệu của sản phẩm bao gồm SESCO Duty Free Tân Sơn Nhất, SESCO Shop, SESCO Travel, SESCO Blue Lagoon Resort.....

Trong thời gian qua, SESCO đã không ngừng mở rộng thị trường hoạt động kinh doanh và phát triển thêm các sản phẩm dịch vụ, thương mại để đáp ứng nhu cầu thị trường. Dự kiến năm 2018, Công ty sẽ phát triển thêm dịch vụ suất ăn đường sắt và mở rộng hoạt động phi hàng không sang sân bay quốc tế Cam Ranh mở rộng.



>20 quây

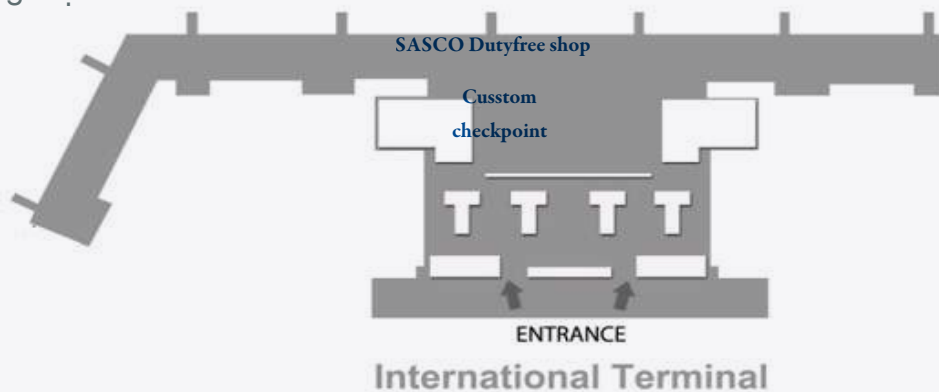


SASCO DUTYFREE *Tân Sơn Nhất*

SASCO Dutyfree là một thương hiệu của SASCO hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và kinh doanh hàng miễn thuế tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất



Với hơn 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh miễn thuế tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, SASCO đã từng bước khẳng định thương hiệu, mở rộng kinh doanh, đa dạng hoá nguồn cung hàng hoá và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tối đa hóa tiềm năng của hình thức kinh doanh này có giá trị thương mại cao



Thiết kế không gian thông minh, tinh tế

Chú trọng việc tạo dựng hình ảnh Dutyfree, SASCO dành vị trí đặc địa, thu hút hầu hết các luồng khách. Sản phẩm đều là các thương hiệu cao cấp nổi tiếng:







SASCO Shop là thương hiệu cho hệ thống cửa hàng bách hóa và lưu niệm – mỹ nghệ nằm ở Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất.

Đáp ứng tối đa nhu cầu của hành khách với hơn 30.000 mặt hàng mang nét đặc trưng văn hóa của từng vùng miền Việt Nam.



Mặt hàng đa dạng

Khi mua sắm tại SASCO Shop, bạn không phải lo ngại các quy định hàng không phức tạp vì mọi mặt hàng đều được đóng gói cẩn thận theo đúng quy tắc, sẵn sàng để bạn mang thẳng lên máy bay. Mặt hàng có tại SASCO Shop bao gồm đa dạng các chủng loại:



Thủ công mỹ nghệ



Lụa



Đồ lưu niệm



Bánh mì Việt Nam



Nước hoa quả Ezos



Đồ chơi trẻ em



Phụ kiện – thời trang



Cà phê Việt Nam



Đặc sản vùng miền



Đồ uống đóng chai



Hoa quả tươi



Hoa quả khô



Bánh kẹo



>20 quây




Hệ thống phòng chờ hạng thương gia SASCO Business Lounge tại Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất gồm có 2 phòng chờ tại Ga Quốc nội và 4 phòng chờ tại Ga Quốc tế.

Tận hưởng từng khoảnh khắc quý giá trong sự yên tĩnh và riêng tư – nơi bạn hoàn toàn làm chủ thời gian của chính mình và tách biệt khỏi sự ồn ào náo nhiệt của sân bay – đó là cảm giác bạn muốn có tại một phòng chờ hạng thương gia.



6 phòng chờ



- | | | | | | |
|---|--|--|---|---|--|
| 
Buffet tự chọn | 
Free wifi | 
Máy tính | 
Khu thư giãn | 
Phòng tắm | 
Máy đánh giày |
| 
Tiện ích văn phòng | 
Tủ để đồ | 
Ghế massage | 
Điện thoại | 
Báo, tạp chí | 
Tivi |



SASCO

Restaurant & Cafe

Hệ thống nhà hàng, café và take-away của SASCO nằm ở sân bay Tân Sơn Nhất, với dịch vụ ăn uống đa dạng và đáp ứng nhu cầu của tất cả các hành khách tại sân bay.

Dù bạn đi hay đến, du lịch một mình hay cùng bạn bè, người thân, chuỗi địa điểm ăn uống của SASCO là nơi hoàn hảo để bạn bắt đầu và kết thúc hành trình của mình với những trải nghiệm đáng nhớ: Ăn ngon – Bay khỏe.



>20 quầy





Món ăn tuyệt hảo, các thương hiệu quốc tế nổi tiếng trong lĩnh vực fastfood cùng những quầy bar, cafe với thiết kế phá cách đầy lôi cuốn.

Không để thời gian chờ đợi chuyến bay của bạn trôi qua một cách nhàm chán, dịch vụ ăn uống của SASCO tại sân bay Tân Sơn Nhất với chuỗi các nhà hàng, cafe và take-away đa dạng, là nơi bạn có thể thưởng thức, từ ẩm thực cao cấp đến các món ăn nhẹ, hay nhâm nhi một ly cà phê và hào hứng đón chào chuyến đi tới chân trời mới.

Các thương hiệu liên kết nổi bật



Các thương hiệu tự doanh nổi bật

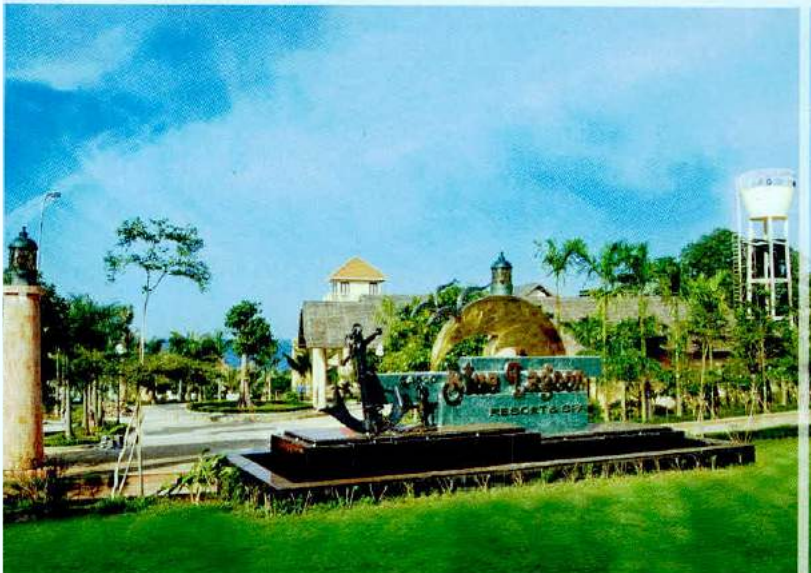




SASCO Blue Lagoon Resort Beach

Các dự án khu du lịch của SASCO

SASCO Blue Lagoon Resort nhắc nhở chúng ta về bộ phim nổi tiếng "Blue Lagoon" vào những năm 80. Dựa trên ý tưởng này, khu nghỉ dưỡng đã ra đời như là một trải nghiệm ban đầu, nơi hòa bình cùng sự lãng hòa quyện vào một không gian nhiệt đới đầy ánh nắng mặt trời, xen lẫn cát và gió.



SASCO Blue Lagoon Resort



Bãi biển SASCO Blue Lagoon

SASCO Blue Lagoon tọa lạc trên khu đất rộng 2 ha trên bờ biển dài hơn 100 mét, cung cấp tổng cộng 80 phòng nghỉ sang trọng gồm 7 loại, trong đó có 2 phòng VIP với thiết kế kiến trúc đặc biệt.

Đến Blue Lagoon, bạn có thể ngâm mình trong nước màu xanh ngọc lam, tắm nắng dưới ánh mặt trời lấp lánh trên bờ biển cát trắng giữa bình minh nắng ấm, trung hòa dưới bóng cây cọ trong khi gió biển chải mặt, tận hưởng bầu không khí yên bình vào lúc hoàng hôn trên bãi biển, hoặc thư giãn trong Spa đẳng cấp thế giới của chúng tôi.

Nhà hàng hải sản của chúng tôi được thiết kế giống như một cửa hàng đi ra biển, ngồi trên đỉnh, bạn có thể thưởng thức các món ăn hải sản ngon lành chỉ có ở đảo Phú Quốc trong khi chiêm ngưỡng vẻ đẹp thiên nhiên của cảnh quan với biển dưới đây rải rác từ xa là những chiếc thuyền nhỏ lướt đến đường chân trời.

Và không thể nào thú vị hơn khi nhâm nhi ly cocktail lạnh khi ngâm mình trong bể bơi được thiết kế độc đáo của chúng tôi.

Ban đêm, bạn có thể ngồi trên bãi biển bên người thân yêu nhìn ra bờ đại dương mê mông, cảm nhận không khí biển để được đơn giản thưởng thức sự yên bình, quên đi tất cả những lo lắng của bạn .





Dự án khách sạn SASCO - Nha Trang

SUOI HOA ECO - TOURIST RESORT



DỰ ÁN KHU SINH THÁI SUỐI HOA

Địa chỉ: Phường 7, Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.
Diện tích: 131,13 ha
Quy mô đầu tư: khoảng 200 phòng khách sạn và nhà

DỰ ÁN KHU SINH THÁI VŨNG BÀU

Địa chỉ: Phú Quốc, Kiên Giang.
Diện tích: 129,15 ha.
Văn bản pháp luật: Trong quá trình bồi thường giải phóng mặt bằng,
Quy mô đầu tư: 1.127 phòng

VUNG BAU ECO - TOURIST RESORT



DỰ ÁN KHÁCH SẠN NHA TRANG SASCO

Địa chỉ: Phạm Văn Đồng, xã Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang.
Diện tích: khoảng 8.000 m2.
Quy mô đầu tư: 19 tầng Dịch vụ khách sạn.

Định hướng phát triển



Khách hàng là trọng tâm

Là nhà cung cấp dịch vụ phi hàng không chất lượng cao. Lấy sự hài lòng về dịch vụ của hành khách làm trung tâm của mọi hoạt động, từ đó tạo giá trị gia tăng cho đối tác khách hàng.



Đầu tư nguồn nhân lực

Trở thành doanh nghiệp có môi trường làm việc lý tưởng giúp nhân viên phát huy tốt nhất khả năng, đóng góp vào thành tựu chung của Công ty



Hệ thống và quy trình quản trị

Xây dựng quản trị công ty theo các chuẩn mực hiện đại, từng bước xây dựng hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả. Phát triển bền vững trên nền tảng đảm bảo an toàn tài chính, hoạt động kinh doanh lành mạnh và minh bạch.





GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Gía trị cốt lõi của SASCO là theo đuổi sự phát triển bền vững. Đây là nguyên tắc và niềm tin xuyên suốt mọi hành động của chúng tôi, giúp SASCO xác định đúng mục tiêu cũng như con đường phát triển dài hạn.

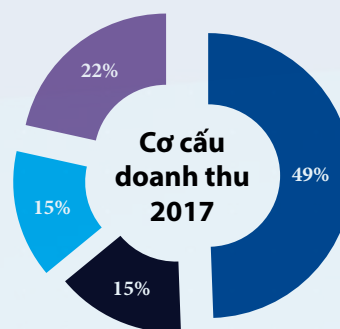
Minh bạch, trung thực, cam kết chất lượng và tận tâm trong từng dịch vụ tạo dựng uy tín doanh nghiệp, gia tăng giá trị thương hiệu, mang lại lợi ích cho khách hàng, cộng đồng, hài hòa lợi ích của các cổ đông và người lao động.

Thông tin tài chính cơ bản



Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực

Trong cơ cấu doanh thu thuần, doanh thu thương mại: kinh doanh hàng miễn thuế, kinh doanh bán lẻ hàng hóa chiếm phần lớn tỷ trọng đạt 49%. Hoạt động bán lẻ, phòng khách và hoạt động khác chiếm lần lượt 15%, 15% và 22%.



■ Kinh doanh hàng miễn thuế ■ Kinh doanh bán lẻ
■ Kinh doanh phòng khách ■ Dịch vụ khác

Hoạt động kinh doanh của SASCO thực hiện qua các bộ phận kinh doanh bao gồm Trung tâm thương mại, cửa hàng miễn thuế và các Chi nhánh.

Tổng doanh thu năm 2017 của SASCO đạt 2.515 tỷ đồng tăng 10% so với năm 2016 trong đó doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 2.369 tỷ đồng tăng 12% so với cùng kỳ do năm 2016 nhờ tập trung tăng doanh thu tại thị trường sân bay Tân Sơn Nhất.

Nhờ cơ cấu lại các sản phẩm dịch vụ, thương mại cũng như kiểm soát chặt chẽ chi phí nên lợi nhuận gộp của SASCO đã tăng trưởng 16% đạt tỷ suất lợi nhuận gộp 45% cao hơn gần 2% so với các năm trước nhờ đó gia tăng hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	So với 2016
Tổng doanh thu	2.515.578	2.295.747	10%
Doanh thu SXKD thuần	2.369.395	2.110.042	12%
Miễn thuế	1.171.138	1.028.180	14%
Bán lẻ	344.818	319.825	8%
Phòng khách	343.821	304.324	13%
Khác	509.618	457.713	11%
Lợi nhuận gộp	1.057.218	907.995	16%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	45%	43%	2%

Nguồn: SASCO

ANNIVERSARY

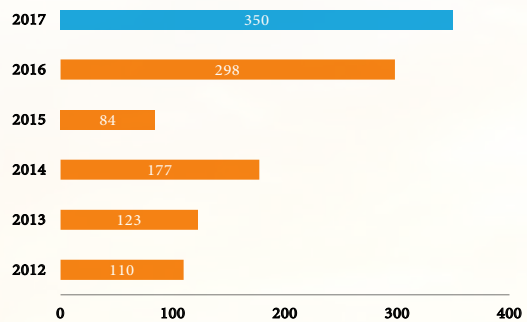
25ththe
journey of
Happiness

	Năm kết thúc 31/12	2014	2015	2016	2017	Thay đổi
BÁO CÁO THU NHẬP	Tổng doanh thu	2.185	2.244	2.296	2.515	10%
	Doanh thu thuần	2.040	1.996	2.110	2.369	12%
	Lợi nhuận gộp	623	741	908	1.057	16%
	<i>Tỷ suất lợi nhuận gộp/DTT</i>	31%	37%	43%	45%	1,6%
	Lợi nhuận sau thuế	141	12	246	290	18%
	ROS	7%	1%	12%	12%	0,6%
	ROE	11%	1%	17%	19%	2,3%
	ROA	7%	1%	12%	14%	1,6%
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Tổng tài sản	2.025	1.993	2.066	2.150	4%
	Tài sản ngắn hạn	859	1.060	1.211	1.282	6%
	Tài sản dài hạn	1.166	933	854	868	2%
	Tổng nợ phải trả	710	666	580	607	5%
	Nợ ngắn hạn	710	666	577	590	2%
	Nợ dài hạn	0	0	3	17	
Vốn chủ sở hữu	1.315	1.327	1.486	1.542	4%	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	LN trước thay đổi vốn lưu động	153	231	220	340	
	Dòng tiền từ HĐ kinh doanh	8	65	23	320	
	Dòng tiền từ HĐ đầu tư	(85)	43	115	(3)	
	Dòng tiền từ HĐ tài chính	(42)	52	(157)	(259)	
	Lưu chuyển tiền thuần	(119)	160	(18)	57	
	Tiền, tương đương tiền cuối kỳ	348	508	490	547	12%

Đơn vị: Tỷ đồng



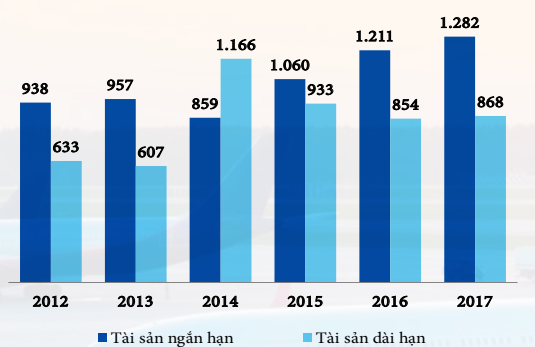
Đơn vị: Tỷ đồng



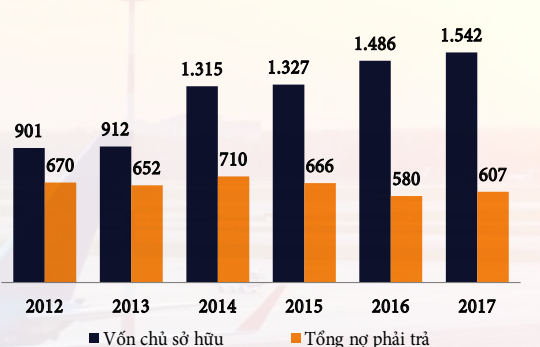
Đơn vị: Tỷ đồng

2.516 tỷ đồng tổng doanh thu, tăng bình quân 5,2% trong giai đoạn 2012 - 2017

LNTT năm 2017 đạt 350 tỷ, cao nhất trong giai đoạn 5 năm từ 2012 - 2017



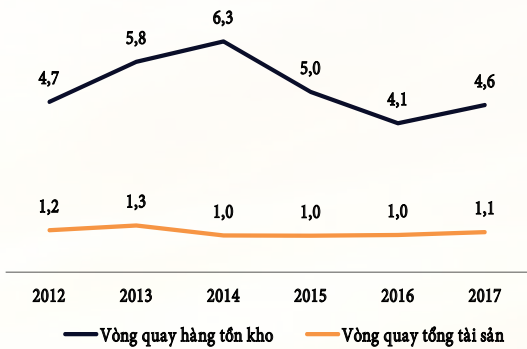
Đơn vị: Tỷ đồng



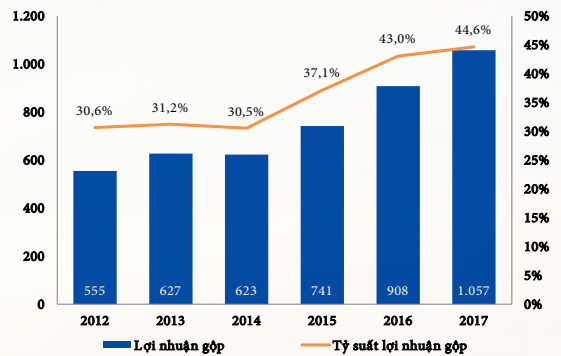
Đơn vị: Tỷ đồng

Tổng tài sản đạt 2.150 tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu đạt 1.542 tỷ đồng



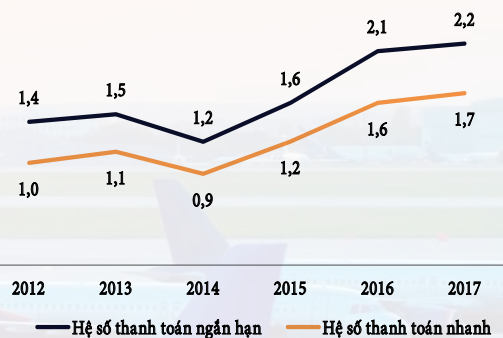
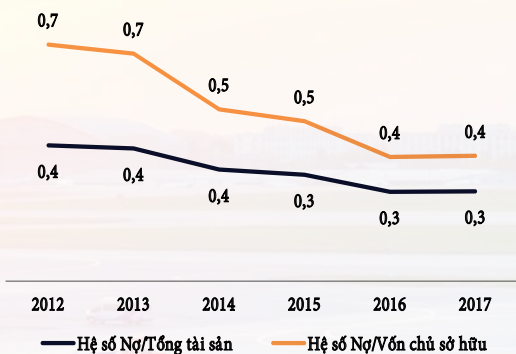
Đơn vị: Tỷ đồng



Đơn vị: Tỷ đồng

Các hệ số vòng quay tài sản, hàng tồn kho đều tương đối ổn định và phù hợp với môi trường kinh doanh

1.057 tỷ đồng lợi nhuận gộp, đạt tỷ suất lợi nhuận gộp 44,6% tăng hơn 1,6% so với năm 2016



Chỉ số cơ cấu vốn ổn định, biến động từ năm 2014 do ảnh hưởng định giá lại doanh nghiệp để cổ phần hóa

Các chỉ tiêu hệ số thanh toán luôn được giữ ổn định đảm bảo an toàn tài chính

Báo cáo Ban Giám đốc





Tổng quan môi trường kinh doanh

“ NĂM 2017, TRÊN NỀN TẢNG ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ CÙNG VỚI SỰ QUAN TÂM, HỖ TRỢ CỦA TỔNG CÔNG TY, SASCO ĐÃ HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH QUAN TRỌNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA.

”

Kinh tế vĩ mô ổn định

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016, hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2017 ước tính đạt 3.934,2 nghìn tỷ đồng, tăng 10,9% so với năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9,46% (cùng kỳ năm 2016 tăng 8,33%). Trong đó doanh thu bán lẻ hàng hóa năm 2017 ước tính đạt 2.937,3 nghìn tỷ đồng, tăng 10,9%. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 494,7 nghìn tỷ đồng, tăng 11,9%. Doanh thu du lịch lữ hành đạt 35,9 nghìn tỷ đồng, tăng 10,4%. Doanh thu dịch vụ khác đạt 466,3 nghìn tỷ đồng, tăng 9,7%.

CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với bình quân năm 2016, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra.

Nhìn chung trong năm 2017, kinh tế cả nước tiếp tục tăng trưởng trên nền tảng ổn định vĩ mô.

Thị trường kinh doanh

Thị trường Tân Sơn Nhất: Năm 2017, sân bay Tân Sơn Nhất có 35,9 triệu lượt hành khách, tăng 11% so với cùng kỳ, trong đó khách nội địa là 22,3 triệu lượt tăng trên 8% so cùng kỳ, khách quốc tế là 13,6 triệu lượt tăng 15% so cùng kỳ.

Thị trường Phú Quốc: Theo số liệu của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Kiên Giang, năm nay tổng số khách du lịch tới Phú Quốc lên đến hơn 2,7 triệu lượt, vượt xa tổng lượng khách 1,45 triệu lượt trong cả năm 2016. Ước tính, tổng thu du lịch, lữ hành đã đạt trên 3.000 tỷ đồng.

Hiện có khoảng 3.000 phòng (trên 3 sao) tăng hơn 100% so với cùng kỳ năm trước và nguồn cung từ các dự án đang xây dựng sẽ tiếp tục đổ bộ thị trường. Ước tính đến năm 2020 khi các dự án hoàn thành và đi vào hoạt động, nơi đây sẽ có khoảng 7.370 phòng khách sạn trên 3 sao. Đơn giá phòng bình quân thị trường giảm 10% xuống mức 75 USD/đêm.

Báo cáo

hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2017	TH 2016	KH 2017	% tăng trưởng	% Kế hoạch
Tổng doanh thu	2.515.578	2.295.747	2.287.020	10%	110%
Doanh thu SXKD thuần	2.369.395	2.110.042	2.217.120	12%	107%
Lợi nhuận trước thuế	349.862	297.861	220.798	17%	158%

Kết quả kinh doanh trong năm

Tổng doanh thu của SASCO năm 2017 đạt 2.515 tỷ đồng tăng 10% so với cùng kỳ năm trước, hoàn thành đạt 110% kế hoạch trong đó doanh thu từ các hoạt động sản xuất kinh doanh chính đạt 2.369 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước đạt 107% kế hoạch;

Lợi nhuận trước thuế năm 2017 đạt 349,8 tỷ đồng tăng 17% so với cùng kỳ năm trước, đạt 158% kế hoạch.

Nhân tố ảnh hưởng tới HĐKD

Thuận lợi

Sự tăng trưởng liên tục trong những năm qua của ngành hàng không, nhất là thị trường cốt lõi tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất là cơ sở vững chắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam, cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất cùng với sự hỗ trợ tích cực của các cơ quan liên quan, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao năm 2017.

Sản lượng hành khách qua cảng sân bay Tân Sơn Nhất tăng trưởng 11% trong năm 2017 đã giúp sản lượng giao dịch và doanh thu từ các hoạt động kinh doanh lõi tăng trưởng tốt.

Trong năm Công ty thực hiện chính sách tập trung gia tăng lợi nhuận, cơ cấu lại các hoạt động đã giúp tỷ suất lợi nhuận gộp tăng từ 43% lên 45%

Thách thức

Chủ trương mở cửa thị trường dịch vụ phi hàng không tại các nhà ga sân bay của các cơ quan chức năng tạo nên sự cạnh tranh gay gắt giữa các nhà cung cấp dịch vụ, thị phần kinh doanh của Công ty ngày càng bị thu hẹp.

Các hoạt động dịch vụ tại thị trường Phú Quốc bị ảnh hưởng bởi cạnh tranh dẫn tới doanh thu giảm, cụ thể: (1) dịch vụ du lịch và dịch vụ khách sạn resort giảm do công suất phòng giảm xuống 57% và đơn giá dịch vụ giảm để thu hút nguồn khách trong bối cảnh số lượng khách sạn tại Phú Quốc tăng mạnh; (2) dịch vụ vận chuyển taxi Phú Quốc bị cạnh tranh gay gắt làm tần suất khai thác Taxi giảm.

Kết quả hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả kinh doanh bộ phận

Doanh thu các bộ phận đạt mức tăng trưởng từ 8 - 14% nhờ sản lượng giao dịch tăng trưởng tại thị trường kinh doanh chính tại sân bay Tân Sơn Nhất. Doanh thu hoạt

động bán lẻ chỉ tăng trưởng 8% do công ty tập trung vào các hoạt động lõi tại nhà ga sân bay và thực hiện tái cơ cấu một số lĩnh vực kinh doanh chưa hiệu quả.

Đơn vị: Triệu đồng

Chi tiêu	TH 2017	TH 2016	Tăng trưởng
Doanh thu kinh doanh bộ phận	2.369.395	2.110.042	12%
Miễn thuế	1.171.138	1.028.180	14%
Bán lẻ	344.818	319.825	8%
Phòng khách	343.821	304.324	13%
Khác	509.618	457.713	11%
Kết quả kinh doanh bộ phận	421.181	382.810	10%
Miễn thuế	142.313	126.474	13%
Bán lẻ	63.377	40.846	55%
Phòng khách	143.205	148.349	-3%
Khác	72.286	67.141	8%
Các phí không phân bổ	(130.859)	(137.070)	-5%
Lợi nhuận sau thuế	290.322	245.740	18%

Nhờ tập trung vào các hoạt động lõi tại nhà ga sân bay và thực hiện tái cơ cấu một số lĩnh vực kinh doanh chưa hiệu quả, lợi nhuận kinh doanh của hoạt động bán lẻ có mức tăng trưởng 55%. Lợi nhuận hoạt động phòng khách không tăng trưởng do Công ty nâng cao chất lượng dịch vụ phòng khách bằng cách nâng cấp và sửa chữa, thay đổi và triển khai một số "concept" mới cho hoạt động phòng khách. Các hoạt động kinh doanh còn lại đều có mức tăng trưởng tương xứng với tăng trưởng của doanh thu.

Doanh thu các bộ phận đạt mức tăng trưởng từ 8 - 14% nhờ sản lượng giao dịch tăng trưởng tại thị trường kinh doanh chính tại sân bay Tân Sơn Nhất

Tình hình tài chính

Cơ cấu tài sản và nguồn vốn

Tổng tài sản SASCO vào ngày 31/12/2017 được phân bổ đồng đều phù hợp với mô hình kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, thương mại theo đó chủ yếu là tài sản ngắn hạn (chiếm 60% tổng tài sản), trong đó tiền, tương đương tiền và các khoản đầu tư tiền gửi chiếm 38%, các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 6%, hàng tồn kho chiếm 13%.



Các biến động tài sản, nguồn vốn trọng yếu

Kết thúc năm 2017, cơ cấu nguồn vốn không có biến động đột biến nào, thay đổi chủ yếu là tỷ lệ phải thu ngắn hạn trên tổng tài sản giảm từ mức 16% xuống 6%. Nguyên nhân do trong năm 2017, SASCO đã thu hồi hết khoản phải thu tiền thoái vốn phát sinh từ năm 2016.



Tổng nguồn vốn không có nhiều biến động trong đó vốn chủ sở hữu của SASCO chiếm phần lớn cơ cấu nguồn vốn (72% tổng nguồn vốn), tỷ lệ sử dụng đòn bẩy (D/E) ở mức 0,4 lần tương đối thấp so với các doanh nghiệp kinh doanh thương mại.

Cơ cấu tài chính của Công ty được định hướng giữ ở mức hợp lý và ổn định, các khoản tài sản dài hạn được tài trợ hoàn toàn từ nguồn vốn dài hạn, ổn định từ vốn chủ sở hữu nhờ vậy rủi ro tài chính được hạn chế tối đa.

Phân tích SWOT

STRENGTH

- Được sự hỗ trợ của các cổ đông trong hoạt động kinh doanh.
- Có năng lực tài chính lành mạnh và hoạt động kinh doanh hiệu quả.
- Kinh nghiệm hơn 24 năm kinh doanh dịch vụ, bán hàng phi hàng không nên đã tạo dựng được vị thế số 1 tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất.

WEAKNESS

- Thị trường bị cạnh tranh gay gắt.
- Chỉ tiêu sức mua trung bình mỗi khách hàng còn thấp do tỷ trọng hành khách thu nhập thấp chiếm đa số, chưa khai thác được hết tiềm năng của hành khách.
- Thiếu sự khác biệt và đa dạng cho chuỗi sản phẩm, dịch vụ.
- Phụ thuộc vào thị trường sân bay Tân Sơn Nhất.

OPPORTUNITIES

- Có khả năng mở rộng lĩnh vực dịch vụ, thương mại, phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm.
- Ngành hàng không Việt Nam tiếp tục giữ mức tăng trưởng tốt, là một trong những thị trường phát triển nhanh nhất thế giới với tốc độ tăng trưởng hành khách quốc tế khoảng 7%/năm đến 2020.
- Chính sách mở cửa cùng việc các hiệp định tự do thương mại được ký kết sẽ làm nhu cầu đi lại bằng hàng không gia tăng.

THREATS

- Dỡ bỏ rào cản tham gia cung cấp dịch vụ phi hàng không sẽ tăng sự cạnh tranh từ những tập đoàn, tổ chức kinh tế có tiềm lực tài chính.
- Thị trường sân bay Tân Sơn Nhất nằm ở ngưỡng tối đa công suất về sản lượng phục vụ tạo hiệu ứng quá tải, tác động tiêu cực trong hành vi, nhu cầu mua sắm của hành khách.

Báo cáo

Tình hình đầu tư

Tình hình đầu tư các dự án kinh doanh

Hiện tại SASCO đang kế thừa và tiếp tục làm chủ đầu tư của một số dự án từ giai đoạn trước cổ phần hóa, các dự án này vẫn đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Chủ trương của SASCO trong việc triển khai theo hướng không trực tiếp đầu tư mà sẽ hợp tác với các đơn vị có kinh nghiệm, thương hiệu, tiềm lực tài chính để khai thác dự án, tối đa hóa lợi ích của cổ đông. Giá trị thực hiện đầu tư các dự án trong năm đạt 7,2 tỷ đồng, cụ thể:

TT	Dự án	Quy mô	Vị trí	Đầu tư trong năm (triệu đồng)
1	Khu du lịch sinh thái Vũng Bầu	132 ha	Xã Cửa Cạn, huyện Phú Quốc	405
2	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Suối Hoa	131,3 ha	P7, tp.Đà Lạt	800
3	Khu dân cư thương mại dịch vụ An Bình	28.909 m ²	P. An Bình, Dĩ An, Bình Dương	113
4	Khách sạn SASCO - Nha Trang	7.702 m ²	P. Vĩnh Hòa, tp. Nha Trang	4.934
5	Dự án Suối Nhung Bình Phước	369 ha	Tỉnh Bình Phước	993
6 TỔNG CỘNG				7.245

Tình hình đầu tư công ty con, liên kết

Hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết đều mang lại hiệu quả, cụ thể kết quả kinh doanh năm 2017 của các công ty liên doanh liên kết như sau:

Công ty	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Vốn góp (triệu đồng)	Doanh thu (triệu đồng)	LNST (triệu đồng)
CTCP Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	Thương mại xăng dầu	37,3%	149.377	377.898	159.286
CT TNHH Phú Quốc - Sasco	Thủy sản, dịch vụ khách sạn	50,0%	10.800	20.225	2.095
CTCP Phát triển vườn xanh	Dịch vụ cây trang trí	24,0%	1.200	26.275	1.348

Tình hình đầu tư, sửa chữa tài sản

Trong năm 2017, SASCO đã thực hiện đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị phục vụ kinh doanh thường xuyên theo kế hoạch được phê duyệt với giá trị thực hiện đạt 27,5 tỷ đồng.

Nội dung	Giá trị thực hiện (triệu đồng)
Sửa chữa lớn	22.445
Mua sắm, thay thế trang thiết bị	5.086
TỔNG CỘNG	27.531

Báo cáo nguồn nhân lực

“

Nguồn nhân lực là nguồn lực đặc biệt, quyết định sự thành công của doanh nghiệp, đặc biệt đối với doanh nghiệp dịch vụ. SASCO quan tâm, đầu tư phát triển nguồn nhân lực như một chiến lược kinh doanh và phát triển bền vững. Không chỉ đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, mà hơn hết tạo dựng một Nguồn nhân lực hạnh phúc.

Với sứ mệnh mang niềm vui và trải nghiệm thú vị cho hành khách tại sân bay, SASCO lan tỏa Hành trình hạnh phúc bằng chính nụ cười và sự tận tâm của từng người trên mỗi vị trí công việc. Những SASCO làm nên Hành trình hạnh phúc cho chính mình và góp phần nâng niu Hành trình Hạnh phúc cho từng hành khách đi và đến Sân bay Tân Sơn Nhất.

”



Tình hình nguồn nhân lực

Hiện tại, các chính sách cơ bản đối với người lao động của SASCO hiện nay vẫn được áp dụng theo các quy định được ban hành trước thời điểm cổ

phần hóa; và SASCO đang tiến hành xây dựng các chính sách mới để phù hợp với loại hình doanh nghiệp công ty cổ phần. Bình quân tổng số lao động trong năm như sau:

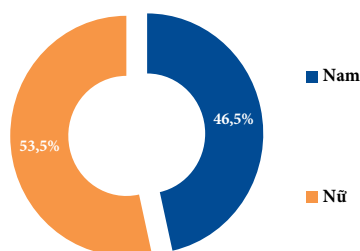
TT	Bộ phận	Số lượng (người)
1	Khối cơ quan	94
2	Phòng kinh doanh miễn thuế	273
3	Trung tâm thương mại	646
4	Các chi nhánh	237
7	Tổng cộng	1.250

Lực lượng lao động

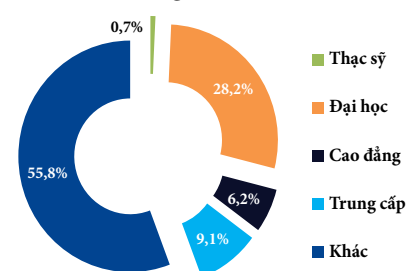
Tỷ lệ Nam – Nữ khá đồng đều trong lực lượng lao động của SASCO xét theo giới tính, đảm bảo công bằng về giới tính trong tuyển dụng.

Khối lao động thuộc bộ phận kinh doanh trực tiếp chiếm tỷ lệ cao, trên 92%, phù hợp với đặc thù và định hướng phát triển kinh doanh thương mại dịch vụ của Công ty.

Cơ cấu lao động theo giới tính



Cơ cấu lao động theo trình độ





Điều kiện làm việc

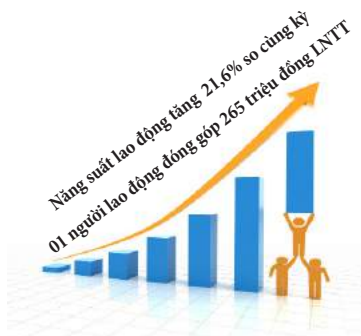
SASCO xây dựng và phát triển một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, nơi đề cao tinh thần chủ động, sáng tạo, mỗi cá nhân phát huy tối đa năng lực, gia tăng giá trị của chính bản thân mình. Gắn kết và tạo động lực cho tập thể hơn 1.250 nhân viên, SASCO đã và đang thúc đẩy sâu rộng văn hóa doanh nghiệp. Các hoạt động nội bộ giàu tính sáng tạo như Đối vai thấu hiểu, Gương mặt thân thiện, Ngôi sao bán hàng, Quản lý giỏi, Tay lái vàng, Tôi yêu nơi tôi làm; các chương trình nghỉ mát nước ngoài, hội thi âm nhạc, hội thi vẽ tranh bảo vệ môi trường làm phong phú thêm đời sống tinh thần, tạo niềm hứng khởi trong cuộc sống và công việc cho nhân viên. Đó cũng là bí quyết để SASCO phát triển bền vững.

Chính sách đào tạo

SASCO xây dựng kế hoạch đào tạo khoa học, hiệu quả trên cơ sở đòi hỏi thiết thực từ thực tế hoạt động kinh doanh và phát triển năng lực cá nhân CBCNV. Chương trình phát triển nguồn nhân lực được thực hiện qua các hoạt động đào tạo bài bản thường xuyên, gia tăng kiến thức, kỹ năng cho người lao động, tạo động lực, truyền cảm hứng thúc đẩy tinh thần phấn đấu, cống hiến cho người lao động Công ty.



Lao động bình quân: 1.250 người,
giảm 4% so với cùng kỳ



Tuyển dụng

SASCO thực hiện quy trình tuyển chọn chặt chẽ, nhằm tuyển chọn những nhân viên có năng lực, tố chất phù hợp đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho chiến lược phát triển của Công ty. Với sự đầu tư đúng mức chiến lược nhân sự, SASCO hiện đang sở hữu đội ngũ nhân lực chất lượng cao với chính sách đãi ngộ cạnh tranh thu hút nhiều chuyên gia, quản trị cao cấp đã từng học tập và làm việc tại nước ngoài, các lao động trẻ tâm huyết phát triển ngành dịch vụ sân bay.

Năm 2017, SASCO được vinh danh trong TOP 50 doanh nghiệp Việt có thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn, không chỉ mang tới niềm tự hào cho những con người SASCO mà còn hấp dẫn các ứng viên khi họ đứng trước lựa chọn nghề nghiệp và môi trường công việc gắn bó lâu dài.

Chế độ lương và phụ cấp

Chính sách trả lương và phụ cấp được xây dựng trên các tiêu chí tiền lương gắn liền với kết quả sản xuất kinh doanh, tương xứng công việc, phù hợp với năng lực, kết quả công việc của từng người lao động, cạnh tranh so với thị trường.



Thu nhập bình quân 2017:
18,8 triệu đồng/người/tháng
tăng 7% so với cùng kỳ

Khẳng định vị thế Công ty

Khẳng định vị thế thương hiệu SASCO

Khẳng định chất lượng dịch vụ và kết quả kinh doanh tăng trưởng ấn tượng, cùng những đóng góp thiết thực vào sự phát triển của cộng đồng xã hội, năm 2017 tiếp tục ghi dấu mốc thành công của SASCO với nhiều thành tựu và giải thưởng uy tín. Thành quả đó, đến từ những cống hiến tận tụy và năng động, sáng tạo của các thành viên trong đội ngũ SASCO, là niềm vinh dự tự hào, nâng cao vị thế thương hiệu Công ty.





- Top 50 doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam (Top 50 Vietnam The Best)
- Top 10 doanh nghiệp bán lẻ uy tín nhất (Vietnam Top 10 Retail reputation Award 2017)
- Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (Vietnam Profit 500)
- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500 - Top 500 Company), đặc biệt đây là năm thứ 11 liên tiếp SASCO đạt giải thưởng vinh dự này.

TOP 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững năm

2017 do VCCI chứng nhận:



Năm 2017 cũng là năm SASCO đạt được bước tiến lớn trong hành trình phát triển bền vững. Hoạch định chính sách duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với trách nhiệm xã hội và

bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống cả về vật chất lẫn tinh thần, năng lực và giá trị cho từng người lao động, phát triển kinh doanh, các sản phẩm dịch vụ xanh, thân thiện với môi trường, người tiêu dùng, ... bên cạnh đó, SASCO có nhiều hoạt động đóng góp cho cộng đồng, xã hội, nối dài thêm hành trình hạnh phúc mà SASCO chung tay cùng cộng đồng vun đắp cuộc sống nhân ái, tốt đẹp hơn. Tháng 12 /2017, SASCO lần thứ hai liên tiếp được vinh danh trong TOP 10 doanh nghiệp phát triển bền vững – khối thương mại dịch vụ.

Top 15 Thương hiệu mạnh Việt Nam 2017

Xuất sắc đáp ứng các tiêu chí bình chọn về phát triển kinh doanh, năng lực lãnh đạo, phát triển nguồn nhân lực, bảo vệ thương hiệu, đặc biệt là bảo vệ môi trường và các hoạt động đóng góp cho cộng đồng, xã hội, SASCO đã vinh dự vào TOP 15 - TOP dẫn đầu thương hiệu mạnh Việt Nam 2017. Giải thưởng do Thời báo kinh tế Việt Nam bình chọn từ hàng chục ngàn phiếu ý kiến của người tiêu dùng và quá trình đánh giá, thẩm định khắt khe của những chuyên gia kinh tế hàng đầu.

Thực hiện sứ mệnh Thương hiệu quốc gia

Vietnam Value:



Mang vinh dự Thương hiệu Quốc gia, 2016 -2017 SASCO thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động nâng cao chất lượng hướng đến sự hoàn hảo trong dịch vụ trên toàn hệ thống kinh doanh, tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời hưởng ứng tích cực các hoạt động quảng bá thương hiệu Quốc gia. Cùng với các thương hiệu uy tín, tầm vóc của đất nước, SASCO hướng đến mục tiêu trở thành những thương hiệu mạnh, tiên phong của Việt Nam trên đường hội nhập.



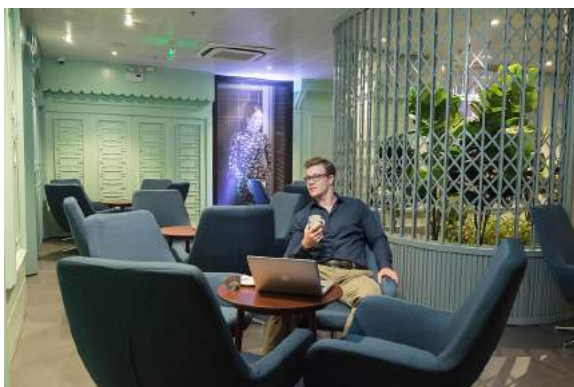
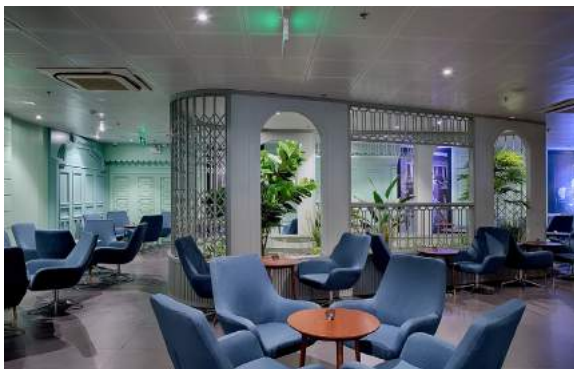
Cải tiến về hoạt động kinh doanh

Năm 2017, hành khách qua Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất tiếp tục chứng kiến những đổi thay đáng kể từ hoạt động cải tiến tổng thể của SASCO cả cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ nhằm đáp ứng trải nghiệm và sự hài lòng của khách hàng.

Những chuyến bay đi và đến Tân Sơn Nhất đang ngày một nhiều hơn. Hiện, lượng hành khách đến sân bay đã đạt trên 36 triệu hành khách/năm 2017, trong giai đoạn đến năm 2030, tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) dự báo sân bay Tân Sơn Nhất sẽ đạt hơn 50 triệu hành khách thông quan. Việc phát triển dịch vụ mặt đất ở sân bay Tân Sơn Nhất, trong đó hoạt động kinh doanh dịch vụ theo hướng đậm bản sắc địa phương và tiện lợi, hiện đại, sẽ là một phân quan trọng để xây dựng hình ảnh du lịch quốc gia, đồng thời tăng năng lực cạnh tranh của Tân Sơn Nhất trong khu vực.

Nâng cao năng lực, chất lượng hệ thống phòng khách thương gia

Năm 2017, SASCO nâng cấp đồng bộ hệ thống phòng chờ thương gia SASCO Business Lounge. Trong dịp kỷ niệm 24 năm thành lập Công ty, SASCO khai trương Le Saigonnais, phòng chờ đậm bản sắc địa phương tại cửa ngõ giao thương, du lịch, kinh tế trọng điểm của thành phố, mang đến những trải nghiệm văn hóa độc đáo từ không gian kiến trúc, ẩm thực và đặc biệt là sự cởi mở, hiếu khách của người Sài Gòn.



Hệ thống bán lẻ xứng tầm vị thế Top 10 bán lẻ uy tín nhất

Hiện SASCO vận hành chuỗi cửa hàng miễn thuế SASCO Dutyfree theo tiêu chuẩn quốc tế với hơn 20 gian hàng cùng 12.000 sản phẩm; Là điểm đón khách từ khắp nơi trên thế giới đến TP.HCM và ngược lại, ga quốc tế là nơi duy nhất có cửa hàng miễn thuế SASCO Duty Free. SASCO Duty Free đã ra mắt thêm nhiều cửa hiệu, nhãn hàng của các hãng danh tiếng thế giới. Đây là khu vực có sức hấp dẫn bậc nhất và thu hút sức mua lớn nhất trong sân bay.

Chuỗi cửa hàng bán lẻ SASCO Shop cung cấp hơn 30.000 sản phẩm hàng lưu niệm, thực phẩm đặc sắc từ các vùng miền Việt Nam. Năm 2017, SASCO Shop phát triển mạnh mẽ cả về số lượng điểm bán, ngành hàng. Các sản phẩm thủ công mỹ nghệ cao cấp, với hình ảnh đã thành biểu tượng cho văn hóa Việt Nam như vải thổ cẩm, nón lá, tượng gỗ, tranh sơn mài, cùng vô số chủng loại trái cây khô trứ danh của các vùng miền Nam Bộ hay những món ăn nước nổi tiếng của Việt Nam được làm khô và đóng gói sang trọng để mang đi bất cứ đâu để thưởng thức.



Hệ thống dịch vụ ẩm thực đa dạng, tinh tế

Với dịch vụ F&B, cùng chuỗi các cửa hàng + 84 Café, Fresh2go đã thân quen với hành khách, Nhà hàng The Phoenix liên tục phát triển những thực đơn mới đặc sắc, các thức uống đa dạng phù hợp xu hướng, nhu cầu trải nghiệm ẩm thực của hành khách. Thương hiệu Phố Chợ vừa ra mắt trong những ngày đầu năm mới tại ga quốc nội, giới thiệu đến hành khách những nét ẩm thực thú vị với nhiều món ăn đường phố độc đáo nổi tiếng được quốc tế vinh danh.

Thêm nhiều dịch vụ tiện ích sân bay

Dịch vụ phòng ngủ và khu vui chơi cho trẻ em do SASCO đầu tư tại sân bay được hành khách trong nước và quốc tế đánh giá cao, đồng thời cũng là một tiêu chí bình chọn, góp phần đưa Cảng Hàng không Tân Sơn Nhất xếp vị trí 21/25 sân bay có chỗ ngủ tốt nhất thế giới (Top 25 Most Sleep Friendly Airports) và vị trí thứ 19/25 sân bay nổi chuyển tốt nhất thế giới (Top 25 Best Airports for Layover). Không chỉ cải tiến chất lượng dịch vụ, SASCO là doanh nghiệp tiên phong ứng dụng công nghệ trong thương mại dịch vụ sân bay. Năm 2017, SASCO đưa dịch vụ thanh toán ví điện tử cho khách hàng Châu Á du lịch đến Việt Nam. Khách hàng có quét mã QR-Code và thực hiện giao dịch thanh toán một cách nhanh chóng, tiện lợi, an toàn. Lần đầu tiên phương thức thanh toán ví điện tử được áp dụng tại sân bay của Việt Nam.



Phát triển thêm sản phẩm dịch vụ và mở rộng thị trường kinh doanh

Thực hiện triển khai dự án HOP ON - HOP OFF, cung cấp dịch vụ tham quan các danh lam thắng cảnh, điểm lịch sử văn hóa địa phương. Sửa chữa và cải tạo khách sạn Blue Lagoon theo kiểu dáng boutique hotel tương đương khách sạn 4 sao. Mở rộng hoạt động kinh doanh phòng khách CIP tại nhà ga quốc tế Cam Ranh (T2). Tiến hành cung cấp suất ăn cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam, thí điểm cung cấp dịch vụ suất ăn cho 6 đoàn tàu SE gồm bữa chính và bữa phụ. Hợp tác với Tổng công ty Đường sắt cải tạo mặt bằng tầng 1, tầng 2 ga Sài Gòn cho phù hợp với mục đích kinh doanh phục vụ nhu cầu của khách đi tàu (cửa hàng bán lẻ, cửa hàng café, nhà hàng ăn uống, phòng khách) và tác nghiệp hành khách (bán vé, khu vực đợi tàu).

Đẩy mạnh hoạt động Marketing

Bên cạnh việc cải tiến chất lượng dịch vụ, thực hiện nhiều chương trình khuyến mại, quảng cáo và sự kiện được triển khai thực hiện, nhằm hỗ trợ gia tăng doanh số bán hàng, quảng bá hình ảnh thương hiệu của SASCO và các thương hiệu con đến với đối tượng khách hàng mục tiêu.

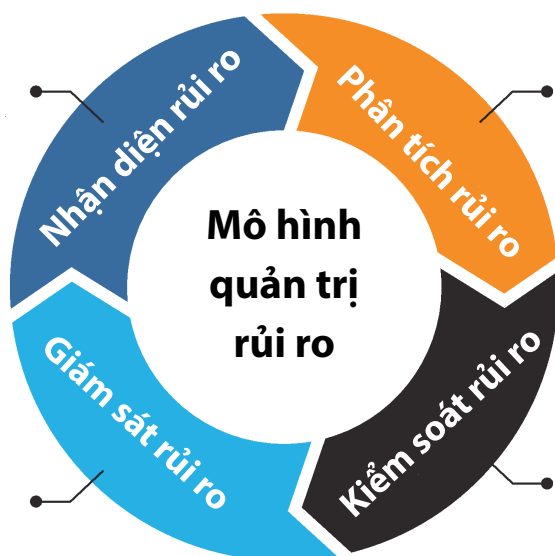
Gia tăng sự kết nối với khách hàng

Phát triển các trang Facebook cho các thương hiệu: Sasco, Sasco Business Lounge, The Phoenix, +84 Café, Sasco Shop, Fresh2Go nhằm gia tăng sự kết nối và tương tác với khách hàng. Hoàn thiện giao diện và nội dung website mới của công ty, bổ sung nhiều tính năng hỗ trợ online, bên cạnh các kênh tiếp nhận thông tin, giải quyết khiếu nại của khách hàng như hotline, email, phiếu ý kiến khách hàng.

Quản trị rủi ro

Nhận diện rủi ro là công việc được thực hiện hàng ngày để phát hiện ra những rủi ro tiềm ẩn dù nhỏ nhất.

Phân tích rủi ro là công tác quan trọng để đưa ra biện pháp thích hợp và kịp thời, nhằm kiểm soát rủi ro một cách hiệu quả.



Giám sát rủi ro là bước tiến xa hơn trong lĩnh vực quản lý rủi ro, từ đó nâng cao giá trị và hiệu quả hoạt động.

Kiểm soát rủi ro được thực hiện bởi bộ phận chuyên môn giàu kinh nghiệm, giảm thiểu những hậu quả có thể xảy ra.

Thực trạng hoạt động quản trị rủi ro

Hiện tại, SASCO chưa thành lập phòng ban chức năng nào có nhiệm vụ quản trị rủi ro, tuy nhiên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc nhận thức đầy đủ các mục tiêu quản trị doanh nghiệp cũng như các cách thức đảm bảo Công ty hoạt động hiệu quả từ khía cạnh tài chính lẫn Quản trị rủi ro.

Trong năm, SASCO và đơn vị tư vấn đã xem xét, lên kế hoạch xây dựng công tác Quản lý rủi ro cũng như mô hình hoạt động của phòng chức năng bao gồm xây dựng chỉ số đo lường cho các rủi ro, cụ thể hóa và đề xuất các mô tả, mức độ rủi ro tới mục tiêu tương ứng, đặc biệt chú trọng vào các rủi ro thuộc nhóm chiến lược (cạnh tranh, nhân sự chủ chốt, thực hiện kế hoạch/chiến lược), Xây dựng báo cáo đánh giá và rà soát chính sách phù hợp.

Kế hoạch xây dựng mô hình quản trị rủi ro

Dự kiến hệ thống quản trị rủi ro của SASCO sẽ được xây dựng, vận hành và phát triển dựa trên nền tảng hệ thống thông tin quản lý hiệu quả, xuyên suốt trong toàn tổ chức, sự hiểu biết đầy đủ các vai trò và trách nhiệm của mỗi cá nhân, coi trọng công tác truyền thông, trao quyền mạnh mẽ để công tác quản trị rủi ro trở thành lợi thế cạnh tranh dài hạn.

Hệ thống quản trị rủi ro tại SASCO được dựa trên những nguyên tắc cơ bản: Quản trị rủi ro là bộ phận không thể tách rời của quá trình hoạt động SXKD; Sẵn sàng chấp nhận một số rủi ro để tạo cơ hội kinh doanh và tạo giá trị gia tăng. Hệ thống quản trị rủi ro dự kiến sẽ hoạt động theo mô hình 03 cấp:

Cấp 1: HĐQT trực tiếp chỉ đạo công tác quản trị rủi ro, phê duyệt chiến lược, chính sách quản lý rủi ro hàng năm và là người chịu trách nhiệm cuối cùng và cao nhất về chất lượng và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống.

Cấp 2: Ban Giám đốc chịu trách nhiệm triển khai thực hiện chiến lược, chính sách quản lý rủi ro đã được Hội đồng quản trị phê duyệt; chỉ đạo công tác nhận diện, phân tích đánh giá, kiểm soát và giám sát rủi ro theo kế hoạch định kỳ hàng năm.

Cấp 3: Các phòng ban là bộ phận phối hợp để giúp việc cho Ban Giám đốc trong việc điều phối, giám sát thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro.

Các rủi ro trọng yếu Công ty

Lĩnh vực kinh doanh chính của SASCO luôn phải đối mặt với nhiều rủi ro, bao gồm các rủi ro bên ngoài và nội tại Công ty. Các nhà đầu tư, các cổ đông, đối tác nên cân nhắc kỹ các rủi ro trước khi ra các quyết định gắn kết lợi ích với Công ty.

Rủi ro kinh tế

Sự tăng trưởng bền vững và ổn định của nền kinh tế trong nước và thế giới sẽ tạo nền tảng vững chắc duy trì, tăng trưởng sức mua và niềm tin tiêu dùng của khách hàng, tác động tích cực đến hoạt động thương mại và cung cấp dịch vụ của Công ty.

Rủi ro phụ thuộc vào thị trường sân bay

Doanh thu của Công ty đang tập trung vào thị trường chính là địa bàn tại sân bay Tân Sơn Nhất. Kết quả hoạt động của Công ty có thể bị ảnh hưởng xấu bởi các yếu tố, bao gồm yếu tố chính trị, thiên tai, bệnh tật trong hoạt động du lịch thương mại, sản lượng hành khách hay thay đổi về các quy định pháp lý tại sân bay Tân Sơn Nhất. Bất kỳ sự gián đoạn nào trong hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ tại sân bay Tân Sơn Nhất đều có ảnh hưởng xấu đến kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng phát triển trong tương lai của Công ty.

Rủi ro cạnh tranh

Trong những năm qua và xu hướng trong tương lai, Công ty luôn phải cạnh tranh với một loạt các nhà cung cấp dịch vụ khác tại các mảng kinh doanh của Công ty bao gồm dịch vụ thương mại phi hàng không tại sân bay Tân Sơn Nhất, dịch vụ khách sạn và vận tải tại Phú Quốc..

Rủi ro thay đổi hành vi tiêu dùng

Theo đánh giá của Công ty, trong bối cảnh cạnh tranh giữa các nhà cung cấp dịch vụ tại sân bay Tân Sơn Nhất, xu hướng thay đổi hành vi tiêu dùng khi khách hàng lựa chọn sản phẩm dịch vụ có thương hiệu sẽ ngày càng diễn ra nhanh, phức tạp hơn trong những năm tới. Trên cơ sở đó, Công ty sẽ phải áp dụng những cải tiến đặc biệt về công tác xây dựng thương hiệu, marketing sản phẩm, dịch vụ. Điều này có thể dẫn đến chi phí cao bán hàng hơn nhiều so với trước đó kéo theo tỷ suất lợi nhuận có thể bị sụt giảm đáng kể.

Rủi ro thương hiệu

Là những tổn thất, thiệt hại về giá trị do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng về Công ty, có thể ảnh hưởng lớn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ, cũng như các hoạt động chung của toàn Công ty

Rủi ro nhân sự

Sau hơn 24 năm tăng trưởng và phát triển đặc biệt sau khi thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần, dẫn đến việc Công ty bị thiếu hụt nguồn nhân lực phù hợp cho định hướng chiến lược trong những năm tiếp theo cả về số lượng và chất lượng, nhất là các nhân sự cấp cao. Việc mất đi bất cứ cá nhân nào trong số này hoặc không thể/chậm đào tạo, tuyển dụng bổ sung cho các vị trí chiến lược đều có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Công ty.

Rủi ro đặc thù

Hoạt động trong lĩnh vực thương mại, hoạt động kinh doanh của Công ty phải chịu một số rủi ro đặc thù của ngành thương mại đòi hỏi Công ty phải có chiến

lược đứng đắn và hệ thống quản trị, giám sát vốn lưu động đặc biệt phải thu và hàng tồn kho.

Rủi ro tỷ giá

Công ty nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho việc kinh doanh hàng miễn thuế và các khoản chi trả hộ chi phí dịch vụ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Thay đổi quy định của pháp luật

Việt Nam đang trong giai đoạn hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật để đáp ứng các cam kết khi gia nhập các tổ chức quốc tế nên cơ chế và chính sách áp dụng đối với hoạt động kinh doanh hàng không của luôn có những thay đổi. Các cơ chế đấu thầu mặt bằng tại sân bay và những chính sách quản lý giá dịch vụ phi hàng không sẽ ảnh hưởng lớn tới hoạt động của Công ty.

Tranh chấp pháp lý

Hoạt động và tham gia hợp tác đầu tư trong nhiều lĩnh vực, Công ty luôn phải đối mặt với nguy cơ bị khởi kiện bởi khách hàng, đối thủ cạnh tranh... liên quan đến các vấn đề như tranh chấp về quyền sở hữu, trách nhiệm xã hội, môi trường... Kết luận cuối cùng của mỗi vụ kiện có thể không do lỗi của Công ty, nhưng bản thân quá trình tham gia tố tụng cũng sẽ tiêu tốn rất nhiều chi phí, nguồn lực... Các chi phí phát sinh trong quá trình tham gia tố tụng thường khó kiểm soát và có thể sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh

“Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2018 sẽ tiếp tục ghi nhận việc lạm phát được kiểm chế và GDP tăng trưởng trên 6%. Ngành hàng không tiếp tục đóng vai trò đầu tàu trong nền kinh tế mở với tốc độ tăng trưởng khách quốc tế đạt trên 20%.

Tổng quan môi trường kinh doanh

Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2018 được Quốc hội thông qua ngày 10/11/2017, với mục tiêu tổng quát là tiếp tục bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát theo đó tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,5% - 6,7%, tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%.

Căn cứ xây dựng kế hoạch Thị trường sân bay

Thị trường Tân Sơn Nhất: Năm 2017, lượng hành khách qua cảng sân bay Tân Sơn Nhất ước đạt 35,9 triệu khách. Dự báo 2018, Sân bay Tân Sơn Nhất sẽ phục vụ 37,4 triệu lượt khách tăng 4,1% so với năm trước, trong đó khách quốc nội dự kiến 22,9 triệu lượt tăng 2,8%, khách quốc tế dự kiến 14,5 triệu lượt tăng 6,2%. Việc tăng chi phí khai thác mặt bằng tại sân bay Tân Sơn Nhất chắc chắn sẽ gây những tác động không nhỏ đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

Thị trường ngoài sân bay

Dự báo năm 2018, số khách du lịch dự kiến tiếp tục tăng mạnh, có thể đạt 3,6 triệu lượt khách. Thị trường Phú Quốc tiếp tục chứng kiến mức tăng trưởng mạnh về nguồn cung phòng

khách sạn, do vậy, mức độ cạnh tranh sẽ càng trở nên gay gắt.

Mở rộng sang thị trường, sản phẩm

1. Triển khai dự án HOP ON - HOP OFF, cung cấp dịch vụ tham quan các danh lam thắng cảnh, điểm lịch sử văn hóa địa phương.
2. Ngoài ra, Công ty sẽ triển khai sửa chữa và cải tạo khách sạn Blue Lagoon theo kiểu dáng boutique hotel tương đương khách sạn 4 sao.
3. Mở rộng thị trường: Công ty sẽ mở rộng hoạt động kinh doanh phòng khách CIP tại các cảng hàng không khác.
4. Tiến hành cung cấp suất ăn cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam, thí điểm cung cấp dịch vụ suất ăn cho 6 đoàn tàu SE gồm bữa chính và bữa phụ.
5. Hợp tác với Tổng Công ty đường sắt Việt Nam cải tạo mặt bằng ga Sài Gòn phù hợp với mục đích kinh doanh phục vụ nhu cầu hành khách đi tàu (bao gồm các cửa hàng ăn uống, cửa hàng bán lẻ và phòng khách).

Dự kiến sản lượng lượt hành khách tại sân bay Tân Sơn Nhất vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng, tuy nhiên do công suất đã đạt ngưỡng quá tải dẫn tới ảnh hưởng tiêu cực tới sức mua nói chung. Trong bối cảnh thị trường kinh doanh tại sân bay Tân Sơn Nhất đã đạt ngưỡng bão hòa, tình hình cạnh tranh gay gắt sẽ khiến SASCO phải chia sẻ thị phần hoạt động kinh doanh

Mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm tới

Trên cơ sở những phân tích và đánh giá trên dự kiến trong năm 2018, tổng doanh thu của SASCO ước đạt 2.625 tỷ đồng

tăng 4,4% so với năm 2017 trong đó doanh thu thuần SXKD ước đạt 2.499 tỷ đồng tăng 5,5% so với năm 2017, lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 370 tỷ đồng tăng 5,9% so với năm 2017.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	% Tăng trưởng
Tổng doanh thu	2.515.578	2.625.295	4,4%
<i>Doanh thu SXKD thuần</i>	2.369.395	2.499.380	5,5%
Lợi nhuận trước thuế	349.862	370.433	5,9%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.957	2.061	5,3%

Các giải pháp triển khai kế hoạch kinh doanh

Phát triển thêm sản phẩm dịch vụ và mở rộng thị trường hoạt động kinh doanh đồng thời tiếp tục giữ vững vị trí là nhà cung cấp dịch vụ số 1 tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất. Tập trung khai thác hiệu quả, tối ưu hóa doanh thu từ thị trường kinh doanh chủ lực của Công ty tại sân bay. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, cải tạo hệ thống các điểm kinh doanh, tăng cường kiểm soát, cải tiến chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm/ dịch vụ đáp ứng các phân khúc khách hàng đa dạng.

Phân bổ nguồn lực phù hợp với quy mô và đặc thù từng hoạt động. Đảm bảo đầy đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát tình hình sử dụng vốn đảm bảo tính hiệu quả thông qua các biện pháp tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, kiểm soát dòng tiền, bám sát các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, đề ra các

giải pháp kịp thời, phù hợp diễn biến thị trường.

Gia tăng độ nhận diện thương hiệu SASCO và các thương hiệu nhánh. Đẩy mạnh các hoạt động tiếp thị trực tuyến và tiếp thị tại điểm bán để mang lại trải nghiệm mua sắm, sử dụng dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, có thái độ làm việc tích cực, hoàn thành sứ mệnh và giá trị của SASCO. Tiếp tục gắn liền thu nhập với yêu cầu công việc, giá trị công việc, hiệu quả làm việc; đảm bảo công bằng trong nội bộ, cạnh tranh trên thị trường.

Triển khai các dự án đầu tư, dự án cải tạo sửa chữa và nâng cấp các điểm kinh doanh của Công ty theo kế hoạch. Xem xét thứ tự ưu tiên thực hiện dự án đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả tối đa. Tìm kiếm và xem xét các cơ hội đầu tư tiềm năng, mang lại hiệu quả phù hợp với năng lực và định hướng của Công ty.

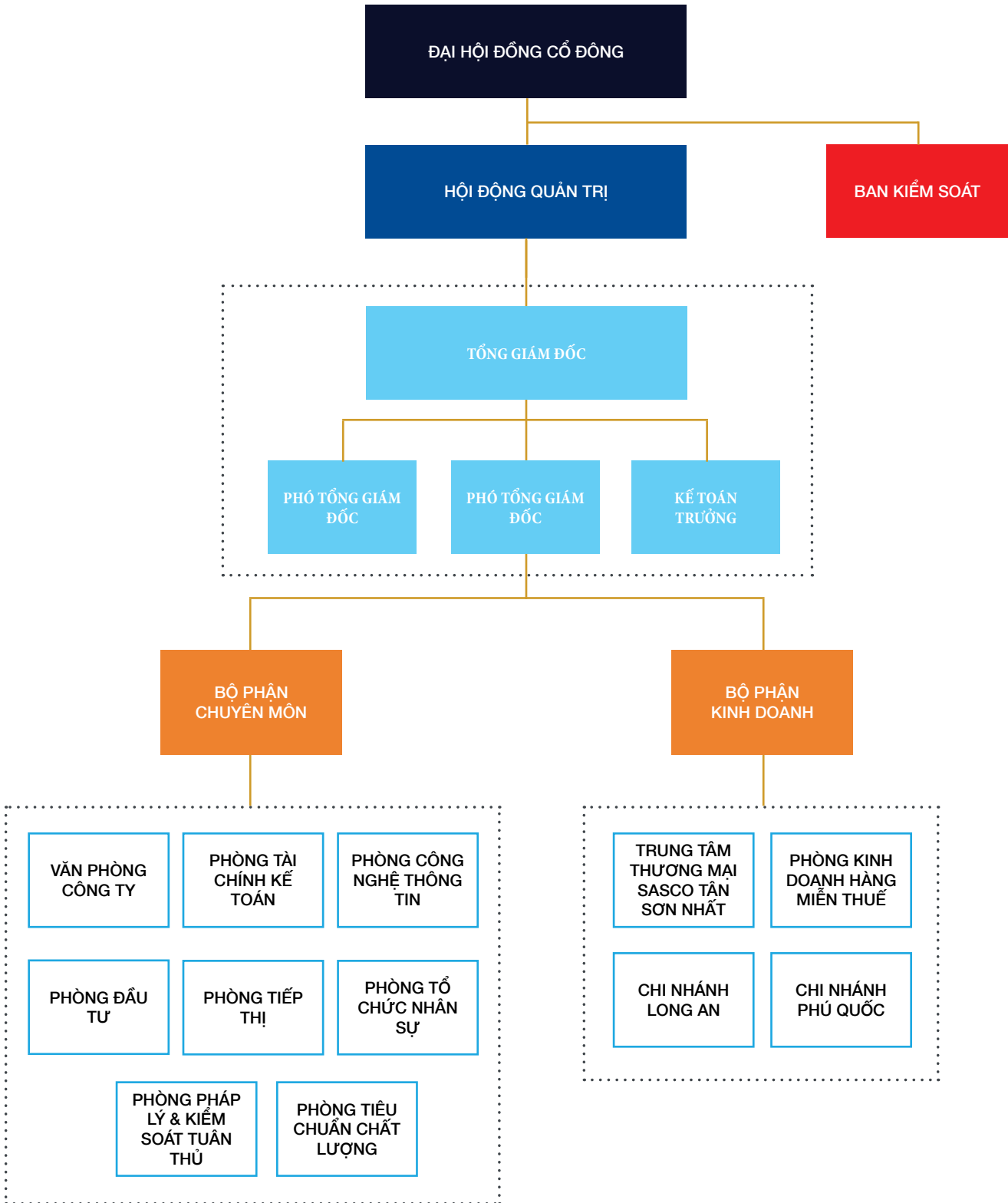
Báo cáo Quản trị



VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN



Mô hình tổ chức



Các khoản đầu tư góp vốn



TAN SON NHAT PETROL
COMMERCIAL JSC.



NORTHERN AIRPORT SERVICES
COMPANY



TAN SON NHAT CARGO SERVICES LTD.
(TCS)



DONG A BANK



CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

NOIBAI CATERING JSC.



SABECO
SABECO CENTER
COMMERCIAL JSC.



THAO DIEN REAL ESTATE
CORPORATION



DESCON CONSTRUCTION CORPORATION
(DESCON)



PHU QUOC INFRASTRUCTURE
DEVELOPING INVESTMENT JSC.

PHU QUOC SASCO LTD.

GREEN GARDEN DEVELOPMENT
JSC.

THANH THANH CONG LAM DONG
TRAVEL JSC.

Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Vốn góp (triệu đồng)	Công ty	Vốn góp (triệu đồng)
Công ty liên doanh, liên kết		178.277	Các khoản đầu tư góp vốn khác	
CTCP TM Xăng dầu Tân Sơn Nhất	37,34%	149.377	CTCP dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài	8.696
CT TNHH Phú Quốc - Sasco	50,00%	10.800	CTCP suất ăn hàng không Nội Bài	21.811
CT liên doanh CP Nhà Việt	29,00%	14.900	CTCP địa ốc Thảo Điền	44.732
CTCP đầu tư thương mại bầu trời xanh	20,00%	2.000	CTCP TM Sabeco Trung tâm	70
CTCP Phát triển vườn xanh	24,00%	1.200	CTCP DL Thành Thành Công Lâm Đồng	11.542
			CTCP xây dựng công nghiệp	4.930
			CTNNHH dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất	15.465
			CTCP đầu tư phát triển hạ tầng Phú Quốc	2.800
			Ngân hàng TMCP Đông Á	28.644

Thông tin cổ đông & cổ phần

THÔNG TĂNG/GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ: Trong năm, Công ty đã phát hành cho CBCNV 1.981.310 cp cho cán bộ nhân viên theo Nghị quyết số 02-NQ/SASCO-DHDCD-2017 của Đại hội đồng cổ đông

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT

STT	Họ tên	Loại cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu tăng (giảm) trong kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Số lượng	Tỷ lệ	
I	CỔ ĐÔNG LỚN		124.468.500	94,65%	1.439.300	125.907.800	94,33%	
1	Tổng công ty Cảng Hàng Không Việt Nam (ACV)	Cổ đông Nhà Nước	67.065.000	51,00%	(1.560.800)	65.504.200	49,07%	
2	Công ty TNHH XNK Liên Thái Bình Dương	Cổ đông chiến lược	31.629.500	24,05%	1.660.700	33.290.200	24,94%	
3	Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duy Anh	Cổ đông chiến lược	6.575.000	5,00%	0	6.575.000	4,93%	
4	Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu	Cổ đông chiến lược	19.199.000	14,60%	1.339.400	20.538.400	15,39%	
II	CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		7.031.500	5,35%	542.010	7.573.510	5,67%	
III	TỔNG CỘNG		131.500.000	100,00%	1.981.310	133.481.310	100,00%	

DANH SÁCH CHI TIẾT VỀ NGƯỜI NỘI BỘ

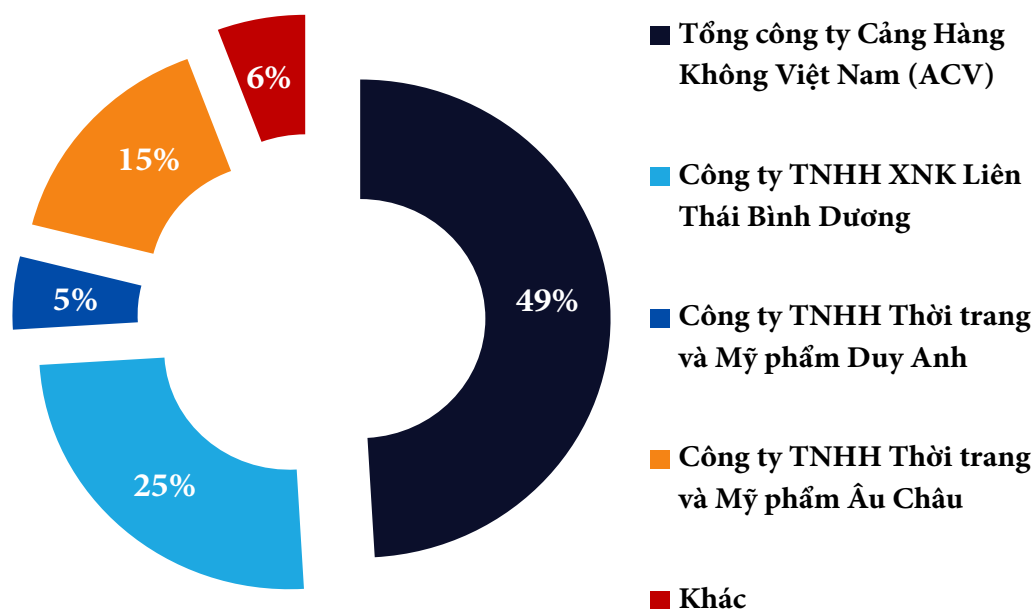
STT	Họ tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu tăng (giảm) trong kỳ (*)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		6.100		450.000	0,3%	456.100	0,3%
1	Ông Nguyễn Hạnh	Chủ tịch HĐQT		0,0%	200.000	0,1%	200.000	0,1%
2	Bà Đoàn Thị Mai Hương	Thành viên HĐQT	6.100	0,0%	200.000	0,1%	206.100	0,2%
3	Ông Đặng Tuấn Tú	Thành viên HĐQT		0,0%	50.000	0,0%	50.000	0,0%
4	Ông Phan Lê Hoan	Thành viên HĐQT		0,0%	50.000	0,0%	50.000	0,0%
5	Bà Lê Hồng Thủy Tiên	Thành viên HĐQT		0,0%	50.000	0,0%	50.000	0,0%
II	BAN GIÁM ĐỐC		11.000	0,0%	380.000	0,3%	391.000	0,3%
1	Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc	4.100	0,0%	150.000	0,1%	154.100	0,1%
2	Bà Nguyễn Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	4.000	0,0%	115.000	0,1%	119.000	0,1%
3	Bà Tôn Nữ Diệu Trí	Kế toán trưởng	2.900	0,0%	115.000	0,1%	117.900	0,1%
III	BAN KIỂM SOÁT		0		60.000	0,0%	60.000	0,0%
1	Bà Huỳnh Thị Diệu	Trưởng Ban Kiểm soát			50.000	0,0%	50.000	0,0%
2	Ông Lưu Quốc Hoàng	Thành viên Ban Kiểm soát			5.000	0,0%	5.000	0,0%
3	Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát			5.000	0,0%	5.000	0,0%
IV	TỔNG CỘNG		17.100	0,0%	890.000	0,7%	907.100	0,7%

(*) Số cổ phiếu tăng do công ty thực hiện phát hành cho cán bộ công nhân viên

TỶ LỆ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU

STT	Đối tượng	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 09/03/2018	Tỷ lệ	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà Nước	65.504.200	49,07%	1	1	-
2	Cổ đông sở hữu 2,5% SLCP trở lên	60.403.600	45,25%	3	3	-
	- Trong nước	60.403.600	45,25%	3	3	-
	- Nước ngoài	-	0,0%	-	-	-
3	Cổ đông khác	7.573.510	5,67%	1.091	16	1.075
	- Trong nước	6.382.915	4,78%	1.060	10	1.050
	- Nước ngoài	1.190.595	0,89%	31	6	25
TỔNG CỘNG		133.481.310	100,00%	1.095	20	1.075

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI 09/03/2018



Hội đồng quản trị



Ông NGUYỄN HẠNH

Chủ tịch HĐQT - Thành viên không điều hành

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ trường Đại học Seattle - Hoa Kỳ. Với hơn chục năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại và hàng không, đã và đang giữ vị trí quản lý cấp cao tại các tổ chức như Boeing Subcontractor, Philippines Airlines, IPP Group, Công ty TNHH XNK Liên Thái Bình Dương, Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu, Công ty TNHH Thời Trang và Mỹ phẩm Duy Anh. Ông được đề cử làm thành viên HĐQT tại SASCO từ tháng 4 năm 2016..

Ông ĐẶNG TUẤN TÚ

TV HĐQT - Thành viên không điều hành

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Đại học An Ninh nhân dân. Trong khoảng thời gian từ năm 2005 đến năm 2008, Ông công tác tại bộ phận An ninh tại Cục cảng hàng không miền Nam trước khi giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm an ninh hàng không Tân Sơn Nhất và Giám đốc dịch vụ An ninh Tân Sơn Nhất trong giai đoạn 2008 - 2012. Từ năm 2012 đến nay, Ông giữ chức vụ Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.



Bà LÊ HỒNG THÚY TIÊN

TV HĐQT

Bà tốt nghiệp khoa kinh tế Đại học quốc gia TP.HCM. Với hơn chục năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nhà hàng ẩm thực, kinh doanh thương mại hàng hóa mỹ phẩm thời trang cao cấp, hàng miễn thuế, hiện Bà đang giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty TNHH XNK Liên Thái Bình Dương. Bà được đề cử làm thành viên HĐQT sau khi SASCO cổ phần hóa thành công..



Bà ĐOÀN THỊ MAI HƯƠNG
TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Gia nhập SASCO từ những ngày đầu mới thành lập, Bà là người góp phần quan trọng trong việc xây dựng chiến lược, cải tiến hiệu quả SXKD, marketing, đào tạo đội ngũ cán bộ SASCO. Với hơn 24 năm kinh nghiệm, nắm giữ các chức vụ quản lý chủ chốt tại các công ty dịch vụ, thương mại phi hàng không lớn, Bà được bổ nhiệm làm Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trong giai đoạn 1/1/2015 - 19/4/2017. Từ 20/4/2017 đến nay Bà giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.



Ông PHAN LÊ HOAN
TV HĐQT - Thành viên không điều hành

Ông tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế Đại học quốc gia TP.HCM. Với hơn chục năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, khai thác cảng hàng không sân bay trong khoảng thời gian từ năm 1993 đến năm 2012, ông đã đảm nhiệm chức vụ Phó Giám đốc và Giám đốc Trung tâm khai thác cụm cảng hàng không miền Nam. Từ năm 2012 tới nay Ông giữ chức vụ Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh và Trưởng ban Pháp chế - Kiểm soát Nội bộ Tổng Công ty cảng Hàng không Việt Nam - CTCP.

Ban Giám đốc



ĐOÀN THỊ MAI HƯƠNG

Tổng Giám Đốc

Nội dung như tại thông tin Thành viên HĐQT



NGUYỄN VĂN HÙNG CƯỜNG

Phó Tổng Giám Đốc

Ông là cử nhân kinh tế với gần 20 năm kinh nghiệm công tác tại SESCO, giữ nhiều trọng trách, chức vụ quan trọng trong lĩnh vực kế toán tài chính, quản trị và hoạch định chiến lược kinh doanh, Ông được đề bạt làm Kế toán trưởng SESCO vào năm 2007 và bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc SESCO từ năm 2015 cho tới nay.



NGUYỄN MINH NGỌC

Phó Tổng Giám Đốc

Tốt nghiệp Thạc sỹ quản trị kinh doanh. Gia nhập SESCO từ năm 2003, bà đã đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và phát triển chất lượng, dịch vụ và thương hiệu sản phẩm của SESCO. Bà là Trưởng phòng Tổ chức nhân sự trước khi được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc SESCO từ tháng 9 năm 2016.



TÔN NỮ DIỆU TRÍ

Kế toán trưởng

Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tài chính kế toán và có hơn 23 năm kinh nghiệm về quản lý và tài chính kế toán. Bà công tác tại SESCO từ năm 2005 và giữ chức vụ Phó phòng Tài chính Kế toán SESCO từ năm 2012 cho tới cuối năm 2016, Bà được đề bạt làm Kế toán trưởng SESCO.

Ban Kiểm soát



Huỳnh Thị Diệu
Trưởng Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tài chính Kế toán, từng đảm nhiệm các vị trí quản lý tài chính. Hiện, Bà giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam.



Lưu Quốc Hoàng
TV Ban Kiểm soát

Cử nhân Tài chính Kế toán với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, kiểm toán nội bộ, ông đang giữ chức vụ Phó Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ chế độ chính sách- Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam.



Trần Thị Thu Trang
TV Ban Kiểm soát

Cử nhân Kế toán kiểm toán cùng với 10 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính kế toán, kiểm toán tại các doanh nghiệp nước ngoài và tổ chức kiểm toán như Công ty kiểm toán KPMG, Công ty dầu khí Chevron, Công ty thực phẩm PepsiCo Việt Nam.

Báo cáo

Hội đồng quản trị

Tình hình kinh tế vĩ mô

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016, hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2017 ước tính đạt 3.934,2 nghìn tỷ đồng, tăng 10,9% so với năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9,46% (cùng kỳ năm 2016 tăng 8,33%). Trong đó doanh thu bán lẻ hàng hóa năm 2017 ước tính đạt 2.937,3 nghìn tỷ đồng, tăng 10,9%. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 494,7 nghìn tỷ đồng, tăng 11,9%. Doanh thu du lịch lữ hành đạt 35,9 nghìn tỷ đồng, tăng 10,4%. Doanh thu dịch vụ khác đạt 466,3 nghìn tỷ đồng, tăng 9,7%. CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với bình quân năm 2016, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra.

Nhìn chung trong năm 2017, kinh tế cả nước tiếp tục tăng trưởng trên nền tảng ổn định vĩ mô, kế hoạch năm 2018 GDP sẽ tăng trưởng 6,5%.

Thị trường kinh doanh

Thị trường Tân Sơn Nhất: Năm 2017, sân bay Tân Sơn Nhất có 35,9 triệu lượt hành khách, tăng 11% so với cùng kỳ, trong đó khách nội địa là 22,3 triệu lượt tăng trên 8% so cùng kỳ, khách quốc tế là 13,6 triệu lượt tăng 15% so cùng kỳ.

Thị trường Phú Quốc: Theo số liệu của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Kiên Giang, năm nay tổng số khách du lịch tới Phú Quốc lên đến hơn 2,7 triệu lượt, vượt xa tổng lượng khách 1,45 triệu lượt trong cả năm 2016. Ước tính, tổng thu du lịch, lữ hành đã đạt trên 3.000 tỷ đồng. Hiện có khoảng 3.000 phòng (trên 3 sao) tăng hơn 100% so với cùng kỳ năm trước và nguồn cung từ các dự án đang xây dựng sẽ tiếp tục đổ bộ thị trường. Ước tính đến năm 2020 khi các

dự án hoàn thành và đi vào hoạt động, nơi đây sẽ có khoảng 7.370 phòng khách sạn trên 3 sao.

Kết quả thực hiện chỉ tiêu được ĐHQĐGD giao

Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu của SASCO năm 2017 đạt 2.515 tỷ đồng, hoàn thành đạt 110% kế hoạch trong đó doanh thu từ các hoạt động sản xuất kinh doanh chính đạt 2.369 tỷ đồng đạt 107% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế năm 2017 đạt 349,8 tỷ đồng, đạt 158% kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.

Cơ cấu lại và nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ

SASCO đã liên tục thực hiện cơ cấu lại các sản phẩm dịch vụ không mang lại hiệu quả, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng và cung cấp những sản phẩm/ dịch vụ linh hoạt đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng. Công ty tiếp tục giữ vững vị thế là nhà cung cấp dịch vụ phi hàng không dẫn đầu tại cảng sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất

Truyền thông và Marketing: Thực hiện công tác truyền thông, marketing tại khu vực trong và ngoài sân bay; duy trì tần suất xuất hiện của SASCO trên các phương tiện truyền thông; góp phần tích cực cho hoạt động bán hàng. Uy tín thương hiệu SASCO tiếp tục được khẳng định trong năm các giải thưởng uy tín, vinh dự nằm trong top 10 doanh nghiệp phát triển bền vững trong khối thương mại dịch vụ năm 2017, Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2017, Top 10 nhà bán lẻ uy tín nhất theo công bố mới nhất của Vietnam Report."

Hoạt động giám sát Ban Giám đốc công ty

Phương pháp giám sát

HĐQT đã giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết HĐQT ban hành trong năm 2017 của Tổng Giám đốc bằng các phương pháp như sau:

Nghe báo cáo của Ban Giám đốc và cán bộ chủ chốt, theo sát tiến độ thực hiện sản xuất kinh doanh, đồng thời đóng góp ý kiến và đề xuất giải pháp trực tiếp cho những vấn đề còn vướng mắc.

Thông qua các cuộc họp HĐQT hàng quý và khi có nhu cầu, HĐQT nghe báo cáo của Ban Giám đốc, xem xét tờ trình của Tổng Giám đốc và thực hiện trao đổi, chất vấn Tổng Giám đốc về HĐSXKD. HĐQT cùng bàn bạc với Ban Giám đốc để tìm ra giải pháp tốt nhất cho các vấn đề phát sinh cũng như phân tích và đo lường các rủi ro.

Phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát, với tư cách là giám sát viên đại diện cho cổ đông, để nắm bắt thực

tế việc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. HĐQT tiếp nhận ý kiến đóng góp và đề xuất của Ban Kiểm soát một cách cởi mở, từ đó cân nhắc trong các quyết định quản trị điều hành.

Trong năm 2017, HĐQT đã ban hành 49 Nghị quyết và 14 Quyết định.

Kết quả giám sát

Năm 2017, cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất tiếp tục đạt mức tăng trưởng trên 10% với ngày càng nhiều doanh nghiệp tham gia thị trường. Hội đồng quản trị đánh giá cao công tác cải tiến chất lượng dịch vụ cũng như việc giữ vững vị thế tại thị trường dịch vụ thương mại phi hàng không tại sân bay Tân Sơn Nhất. Với một tinh thần quyết liệt không ngại khó khăn thách thức để đưa SASCO tiến thêm một bước lớn quan trọng, Hội đồng quản trị đánh giá cao việc Công ty hoàn thành tăng trưởng cao so với cùng kỳ.
Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2017	TH 2016	KH 2017	% tăng trưởng	% Kế hoạch
Tổng doanh thu	2.515.578	2.295.747	2.287.020	10%	110%
Doanh thu SXKD thuần	2.369.395	2.110.042	2.217.120	12%	107%
Lợi nhuận trước thuế	349.862	297.861	220.798	17%	158%

Kết luận

Căn cứ Điều lệ, những quy chế quản trị và quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị đã phân cấp cho Ban Tổng Giám đốc quyết định công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty đồng thời tổ chức thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và chương trình hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho. Đồng thời, Hội đồng quản trị bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và kịp thời xem xét để xử lý các phát sinh ngoài kế hoạch cũng như quyết định những nội dung vượt phân cấp của Ban Tổng Giám đốc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh

doanh, tình hình hoạt động Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá Ban Giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông. Theo đó Ban Giám đốc đã hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu kinh doanh năm 2017 do ĐHĐCĐ phê duyệt, đồng thời thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, hoàn thiện công tác quản trị Công ty.

Hoạt động

Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	Thành viên	Chức danh	Ghi chú	Số buổi tham dự	Tỷ lệ dự họp
1	Ông Nguyễn Hạnh	Chủ tịch HĐQT - không điều hành	Được bầu làm chủ tịch HĐQT từ tháng 4/2017	5/5	100%
2	Ông Phan Lê Hoan	Thành viên HĐQT - không điều hành	Không thay đổi	5/5	100%
3	Ông Đặng Tuấn Tú	Thành viên HĐQT - không điều hành	Không thay đổi	5/5	100%
4	Bà Đoàn Thị Mai Hương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Thôi kiêm nhiệm Chủ tịch HĐQT	5/5	100%
5	Bà Lê Hồng Thủy Tiên	Thành viên HĐQT - không điều hành	Không thay đổi	5/5	100%

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh:

Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ hành khách qua các hoạt động:

+ Khai trương thêm quầy SASCOShop, hoàn thiện đưa vào khai thác hệ thống cửa hàng Fresh 2Go, cải tạo quầy hàng miễn thuế, khai trương Phòng khách đậm bản sắc văn hóa địa phương duy nhất tại Việt Nam- Le Saigonais.....

+ Từ tháng 01/2018, SASCOSẽ cung cấp suất ăn tiêu chuẩn hàng không cho hành khách đi đường sắt theo tiêu chuẩn suất ăn hàng không với mỗi phần ăn được thiết kế đảm bảo.

Giữ vững vị thế là nhà cung cấp dịch vụ sân bay hàng đầu:

Đứng thứ 6 trong Top 10 nhà bán lẻ uy tín nhất 2017 theo công bố mới nhất của VNR.



Thực hiện kiện toàn tổ chức:

Tái cơ cấu hoạt động chi nhánh Hà Nội, dự kiến thành lập chi nhánh SASCOSở tại Khánh Hòa để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh tại sân bay Cam Ranh.

Hoạt động thương hiệu:

Tích cực tham gia và quảng bá "Tuần lễ Thương hiệu quốc gia" được tổ chức bởi Chương trình Thương hiệu quốc gia. Vinh dự nằm trong top 10 doanh nghiệp phát triển bền vững trong khối thương mại dịch vụ năm 2017, Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2017, Top 10 nhà bán lẻ uy tín nhất theo công bố mới nhất của Vietnam Report..

Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hiện SASCOSẽ không thành lập các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà Hội đồng quản trị thực hiện phân công nhiệm vụ cho mỗi thành viên HĐQT chuyên trách quản lý từng chức năng nhân sự, khen thưởng, quản trị rủi ro....

Các Nghị quyết Hội đồng quản trị

HĐQT họp định kỳ hàng quý trong năm, trao đổi định hướng kế hoạch cho quý sau, đồng thời đưa ra các quyết định kịp thời cho việc quản trị công ty. Tất cả các cuộc họp HĐQT đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát với tư cách quan sát viên. Trong năm 2017, HĐQT đã ban hành 49 Nghị quyết bao gồm:

TT	Số	Ngày	Nội dung
1	01-2017/NQ-HĐQT	19/01/2017	Tạm giao Kế hoạch kinh doanh; kế hoạch đầu tư và quỹ lương năm 2017
2	02-2017/NQ-HĐQT	19/01/2017	Xếp lương Ban Điều hành Cty năm 2017
3	03-2017/NQ-HĐQT	06/02/2017	Thay đổi thời gian họp ĐHCĐ bất thường 2016 và đưa nội dung vào chương trình nghị sự ĐHCĐ thường niên 2017
4	04-2017/NQ-HĐQT	15/02/2017	Chốt danh sách thực hiện quyền tham dự ĐHCĐ thường niên 2017
5	05-2017/NQ-HĐQT	24/02/2017	Phương án cải tạo Phòng Cip 2-3
6	05A-2017/NQ-HĐQT	01/03/2017	Hợp tác với Cảng HKQT TSN đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh các mặt bằng tại Cảng
7	06-2017/NQ-HĐQT	21/03/2017	Quyết toán quỹ lương cty năm 2016
8	07-2017/NQ-HĐQT	21/03/2017	Quyết toán quỹ thưởng năm 2016 cho Ban điều hành Cty
9	08-2017/NQ-HĐQT	21/03/2017	Chương trình hoạt động của HĐQT 2017
10	09-2017/NQ-HĐQT	21/03/2017	Thanh lý tài sản đợt 1/2017 (đến 19/3/2017)
11	10-2017/NQ-HĐQT	22/03/2017	Tổ chức ĐHCĐ thường niên 2017 (ngày 07/4/2017)
12	11-2017/NQ-HĐQT	23/03/2017	Thông qua Báo cáo tài chính 2016 đã kiểm toán, trình ĐHCĐ
13	14-2017/NQ-HĐQT	19/04/2017	Chủ trương đầu tư bổ sung 04 dự án đầu tư mua sắm vào Kế hoạch đầu tư mua sắm năm 2017
14	15-2017/NQ-HĐQT	19/04/2017	Bổ nhiệm Ông Nguyễn Hạnh giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT
15	16-2017/NQ-HĐQT	19/04/2017	Bà Đoàn Thị Mai Hương thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT
16	17-2017/NQ-HĐQT	20/04/2017	Bổ nhiệm Bà Đoàn Thị Mai Hương giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty
17	17A-2017/NQ-HĐQT	20/04/2017	Giao chính thức Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2017; Quỹ lương 2017
18	18-2017/NQ-HĐQT	26/04/2017	Chốt danh sách cổ đông lấy ý kiến v.v chi tạm ứng cổ tức đợt 2/2016
19	19-2017/NQ-HĐQT	26/04/2017	SASCO chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm tại TAPETCO
20	20-2017/NQ-HĐQT	26/04/2017	SASCO không tham gia tăng vốn điều lệ tại Cty CP Địa ốc Thảo Điền
21	21-2017/NQ-HĐQT	26/04/2017	Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động của Cty SASCO
22	22-2017/NQ-HĐQT	26/04/2017	Quy chế chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động
23	23-2017/NQ-HĐQT	26/04/2017	Danh sách phân phối cổ phiếu cho người lao động theo chương trình phát hành cổ phiếu ESOP
24	24-2017/NQ-HĐQT	08/05/2017	Tạm ngừng hoạt động CN Hà Nội
25	25-2017/NQ-HĐQT	08/05/2017	Phương án mua cổ phiếu Quỹ
26	25A-2017/NQ-HĐQT	10/05/2017	Chủ trương đầu tư dự án Food Village
27	26-2017/NQ-HĐQT	19/06/2017	Quy chế phối hợp công tác giữa Đảng ủy và Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc
28	27-2017/NQ-HĐQT	27/06/2017	Quyết toán quỹ tiền lương cty năm 2016
29	28-2017/NQ-HĐQT	27/06/2017	Quyết toán quỹ tiền thưởng cty năm 2016
30	29-2017/NQ-HĐQT	30/06/2017	Chọn Cty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017
31	30-2017/NQ-HĐQT	30/06/2017	Đầu tư dự án Thay mới 3 quầy SASCO Shop G19D09, G19D11 và G19D12
32	31-2017/NQ-HĐQT	14/07/2017	Đầu tư bổ sung xe tải nhẹ 1,4 tấn cho TTTM
33	32-2017/NQ-HĐQT	11/08/2017	Phương án Đầu tư dự án Food Village tại Nhà để xe Ga quốc nội
34	33-2017/NQ-HĐQT	11/08/2017	Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng giữa niên độ
35	34-2017/NQ-HĐQT	11/08/2017	Thông qua việc chào bán số cổ phiếu ESOP không đăng ký mua hết cho Công đoàn Cty
36	35-2017/NQ-HĐQT	25/08/2017	Bổ sung kế hoạch đầu tư năm 2017
37	36-2017/NQ-HĐQT	25/08/2017	Thông qua việc SASCO không tham gia tăng vốn điều lệ tại Cty CP du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng
38	37-2017/NQ-HĐQT	25/08/2017	SASCO tham gia tăng vốn điều lệ tại Cty CP Suất ăn Nội Bài (NCS)
39	38-2017/NQ-HĐQT	25/08/2017	Thanh lý tài sản đợt 2/2017 (đến 31/7/2017)
40	39-2017/NQ-HĐQT	25/08/2017	Điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án Phố Chợ Nhà hàng Hoa Mai – Khu vực cách ly ga đi quốc nội
41	40-2017/NQ-HĐQT	25/08/2017	Tạm trích quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 6 tháng đầu năm
42	41-2017/NQ-HĐQT	31/08/2017	Thời gian chốt danh sách cổ đông nhằm thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
43	42-2017/NQ-HĐQT	31/08/2017	Thông qua báo cáo nhân sự tiền lương 6 tháng đầu năm 2017
44	43-2017/NQ-HĐQT	31/08/2017	Thông qua giá trị vốn điều lệ sau phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động
45	44-2017/NQ-HĐQT	15/09/2017	Sửa chữa cải tạo Quầy G19D07 thành Quầy SASCO Shop
46	45-2017/NQ-HĐQT	09/10/2017	Xây dựng 2 phòng CIP tại sân bay Cam Ranh
47	46-2017/NQ-HĐQT	24/10/2017	Chi thưởng 9 tháng HĐQT BKS
46	45-2017/NQ-HĐQT	09/10/2017	Xây dựng 2 phòng CIP tại sân bay Cam Ranh
48	47-2017/NQ-HĐQT	24/10/2017	Cử NĐDV SASCO tại Công ty NCS tham dự họp ĐHCĐ bất thường
49	48-2017/NQ-HĐQT	27/11/2017	Thanh lý tài sản đợt 3 (đến 30/9/2017)

Định hướng hoạt động

Năm 2018 dự báo nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục đà tăng trưởng, mặc dù vậy Công ty có thể tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức như: cạnh tranh của thị trường kinh doanh, chi phí khai thác mặt bằng tăng.

Tuy nhiên, tiếp bước với thành quả đã đạt được SASCO tự tin tiếp tục hướng tới năm 2018 thành công với các chỉ tiêu kế hoạch tài chính quan trọng bao gồm: Tổng doanh thu đạt 2.625 tỷ đồng, doanh thu hoạt động SXKD ước đạt 2.499 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 370 tỷ đồng tăng 5,9% so với năm 2017.

Để đạt được các mục tiêu trên, Hội đồng quản trị SASCO xác định các định hướng hoạt động chủ yếu bao gồm:

- Tiếp tục chiến lược phát triển bền vững: Khẳng định và quyết tâm giữ vững vị thế SASCO là nhà cung cấp dịch vụ thương mại hàng không hàng đầu, phát triển hệ thống phân phối bán lẻ song song với việc đảm bảo hiệu quả quản trị và kiểm soát hoạt động. Cân đối hài hòa lợi ích khách hàng, cổ đông, người lao động và xã hội.

- Tập trung chiến lược gia tăng lợi nhuận: Đẩy mạnh toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung gia tăng lợi nhuận hoạt động kinh doanh, và đẩy mạnh nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng dịch

vụ, đa dạng hóa sản phẩm và tạo lợi thế cạnh tranh, sự khác biệt trong mỗi sản phẩm. Thực hiện kiểm soát chặt chi phí hoạt động, đẩy mạnh công tác tiết kiệm chi phí trên toàn hệ thống từ đó nâng cao hiệu kinh doanh và lợi nhuận.

- Triển khai chiến lược marketing và xây dựng thương hiệu: xây dựng chuỗi các thương hiệu sản phẩm, dịch vụ của SASCO để đáp ứng nhu cầu khách hàng mục tiêu. Tập trung phát triển các thương hiệu nhánh, định vị thương hiệu phù hợp cho từng phân khúc khách hàng

Báo cáo

Ban Kiểm soát

Các hoạt động đã triển khai

Được bầu ra bởi Đại hội đồng Cổ đông của Công ty, Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, trong năm 2017, BKS đã thực hiện được những công việc sau:

- Tham dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) và hội nghị giao ban của Ban Tổng Giám Đốc.
- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ, các Quy chế, Quy định trong Công ty, việc chấp hành chế độ chính sách, pháp luật, quy định của Nhà nước trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội Đồng Quản Trị và quyết định của Ban Tổng Giám Đốc.
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2017.
- Giám sát việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của SASCO.
- Giám sát các biện pháp tiết kiệm chi phí Công ty.
- Soát xét Báo cáo tài chính hàng quý năm 2017.
- Kiểm tra tình hình thực hiện đầu tư, mua sắm tài sản.

Kết quả kiểm tra trong năm

Hoạt động HĐQT:

Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) Công ty SASCO đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn trong việc chỉ đạo, quản lý hoạt động sản xuất

kinh doanh (SXKD) của Công ty theo thẩm quyền:

- Triển khai thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2017 thông qua.
- Phê duyệt kế hoạch SXKD của các Đơn vị, Chi nhánh phù hợp nhu cầu tăng trưởng và tình hình hoạt động năm 2017.
- Thông qua chủ trương, nội dung đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định phân cấp và Điều lệ của Công ty.
- Thực hiện việc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 theo Báo cáo Kiểm toán Nhà Nước; phân phối lợi nhuận sau thuế sau khi điều chỉnh; và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017.
- HĐQT đã tổ chức họp đầy đủ theo Điều lệ quy định. Cụ thể, HĐQT đã tổ chức 5 cuộc họp trong năm 2017. Bên cạnh đó, HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến các Thành viên bằng văn bản để ra quyết định kịp thời.
- Trong năm 2017, HĐQT đã ban hành 49 Nghị quyết. Các Nghị quyết đã được triển khai thực hiện. Một số nội dung của Nghị quyết đang và tiếp tục được thực hiện trong năm 2018.

Hoạt động Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám Đốc đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn trong công tác quản lý hoạt động SXKD của Công ty như sau:

- Hoạt động, điều hành Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công, phân cấp.
- Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh do HĐQT giao.
- Triển khai công việc theo các Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị.
- Chỉ đạo các Phòng chức năng, các đơn vị thực hiện nhiệm vụ theo quy định về tổ chức và chức năng nhiệm vụ.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm Soát với HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc:

Giữa Ban Kiểm Soát với Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc đã duy trì mối quan hệ làm việc, phối hợp, trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích của Công ty, của Cổ đông, tuân thủ các quy định của Pháp luật và các văn bản quản lý nội bộ của Công ty. Hội Đồng Quản Trị Công ty tạo điều kiện để Ban Kiểm Soát thực hiện chức năng của mình.

Thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2017:

Báo cáo tài chính do Ban Tổng Giám Đốc lập (được kiểm toán bởi Đơn vị kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C) đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2017 và tình hình tài chính của SASCO tại ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán.

Phân tích, đánh giá:

SASCO đã không ngừng nỗ lực phát triển kinh doanh, gia tăng lợi nhuận thông qua việc nâng cao chất lượng dịch vụ và sản phẩm, tái cơ cấu hoạt động kinh doanh và kiểm soát chi phí đầu vào.

Năm 2017, SASCO đã tiếp tục hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thông qua các chương trình hành động cụ thể đã được Ban điều hành SASCO triển khai thực hiện. Các chỉ số trên cho thấy tình hình tài chính của Công ty tăng trưởng tốt và bảo toàn vốn. SASCO tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu trong việc cung cấp dịch vụ phi hàng không tại Cảng sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất.

Kiến nghị của Ban Kiểm Soát:

Đối với Hội Đồng Quản Trị: Đề nghị HĐQT tiếp tục xem xét thực hiện các kiến nghị của BKS đã nêu trong Báo cáo giám sát hoạt động của SASCO số 07-17/BKS-SASCO ngày 16/11/2017 mà Ban Kiểm Soát đã báo cáo với Hội Đồng Quản Trị SASCO và Hội Đồng Quản Trị Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam. Đối với Ban Điều Hành: Thực hiện chấm dứt hợp đồng thuê mặt bằng Viethaus tại Đức theo chỉ đạo của các cơ quan Nhà nước.

Kế hoạch hoạt động năm 2018

Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2018 chủ yếu tập trung vào các nội dung sau:

- Thực hiện trách nhiệm của Ban Kiểm Soát được quy định trong Điều lệ.
- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành Công ty theo chức năng, nhiệm vụ quy định.
- Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT năm 2018.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm Soát.
- Thực hiện các công tác khác theo yêu cầu của cổ đông, theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.



Giao dịch bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm

Nội dung	TV.HĐQT chuyên trách và Ban Giám đốc	TV.HĐQT không chuyên trách	TV.BKS	Tổng cộng
Tổng tiền lương	2.701.090.908		236.363.636	2.937.454.544
Tổng thù lao		384.000.000	156.000.000	540.000.000
Thưởng	4.599.168.667	1.067.792.059	530.679.136	6.197.639.862
Tổng thu nhập	7.300.259.575	1.451.792.059	923.042.772	9.675.094.406

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Họ tên	Quan hệ	Số cổ phiếu sở hữu đầu năm		Số cổ phiếu sở hữu cuối năm		Lý do tăng, giảm
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Tổng công ty Cảng Hàng Không Việt Nam (ACV)	Cổ đông Nhà Nước	67.065.000	51,00%	65.504.200	49,07%	Thực hiện giao dịch bán cp
CT TNHH XNK Liên Thái Bình Dương	CĐ chiến lược	31.629.500	24,05%	33.290.200	24,94%	Thực hiện giao dịch mua cp
CT TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu	CĐ chiến lược	19.199.000	14,60%	20.538.400	15,39%	Thực hiện giao dịch mua cp

Giao dịch với các bên liên quan khác trong năm: Được thể hiện tại trang 49, phần 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan, Chương VIII. Những thông tin khác trong Báo cáo tài chính kiểm toán tổng hợp của Công ty năm 2017

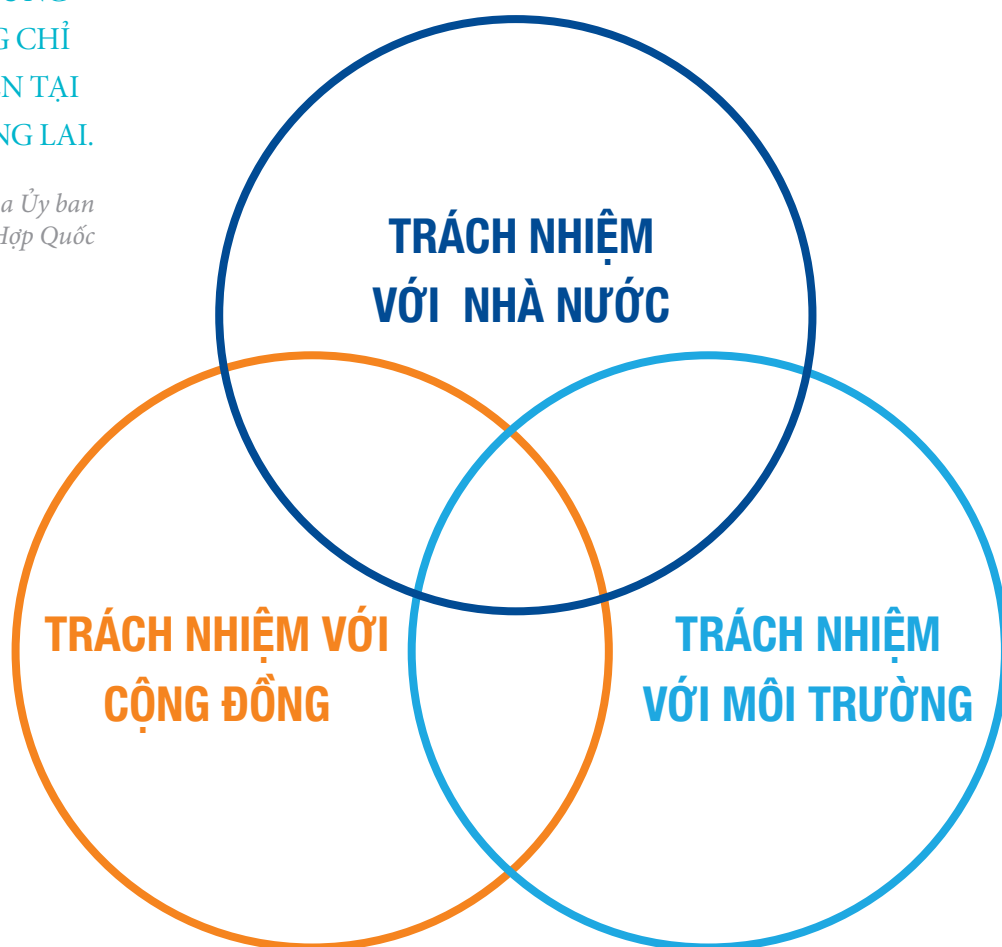
Báo cáo phát triển bền vững

“ **PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀ MỘT HÌNH THÁI PHÁT TRIỂN TRONG ĐÓ NGUỒN LỰC ĐƯỢC CON NGƯỜI KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG NHẪM PHỤC VỤ NHU CẦU CỦA NHÂN LOẠI SONG SONG VỚI VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, NHỜ ĐÓ NHỮNG NHU CẦU NÀY KHÔNG CHỈ ĐƯỢC ĐÁP ỨNG Ở HIỆN TẠI MÀ CÒN TRONG TƯƠNG LAI.**

— Theo định nghĩa của Ủy ban Brundtland của Liên Hợp Quốc

Trong suốt chặng đường phát triển hơn 24 năm qua, triết lý kinh doanh “quá trình phát triển doanh nghiệp đi đôi với trách nhiệm cộng đồng và xã hội” đã được các thế hệ lãnh đạo, nhân viên SASCO gìn giữ và phát triển như một nét đẹp văn hóa của doanh nghiệp.

Hằng năm SASCO đã ghi lại dấu ấn các hoạt động vì cộng đồng ở khắp mọi miền đất nước, thể hiện nghĩa cử cao đẹp và trách nhiệm chung tay xây dựng mục tiêu dân giàu nước mạnh xã hội văn minh.



Báo cáo trách nhiệm với Nhà Nước, nền kinh tế

Trách nhiệm phát triển kinh tế và đóng góp ngân sách nhà nước

Đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế, SASCO hiện thực hóa trách nhiệm của mình bằng tăng trưởng bền vững, đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước hàng năm. Quy mô kinh doanh mở rộng, sản phẩm dịch vụ phát triển, tốc độ tăng trưởng tốt về doanh thu, lợi nhuận, SASCO luôn nằm trong nhóm những tổ chức kinh tế nộp thuế tích cực, đóng góp vào ngân sách Nhà nước.

Với vị trí là nhà cung cấp dịch vụ sân bay hàng đầu tại Việt Nam, SASCO phát triển bản sắc văn hóa trong dịch vụ, góp phần xây dựng hình ảnh một sân bay quốc tế năng động nhất Việt Nam và tăng năng lực cạnh tranh của Tân Sơn Nhất so với các sân bay trong khu vực.

Tổng hợp nộp Ngân sách Nhà Nước trong các năm qua của SASCO

Năm	Nộp ngân sách Nhà Nước
2012	70.700 triệu đồng
2013	83.480 triệu đồng
2014	67.411 triệu đồng
2015	109.747 triệu đồng
2016	91.027 triệu đồng
2017	107.410 triệu đồng



Báo cáo trách nhiệm với xã hội, cộng đồng, môi trường

“ Kế thừa và phát huy truyền thống nhân văn cao đẹp của người Việt Nam, trong hành trình xây dựng và phát triển doanh nghiệp, SASCO đề cao giá trị bền vững bằng cách gia tăng trách nhiệm của doanh nghiệp, đồng hành cùng các cổ đông, thúc đẩy những lợi ích thiết thực và mang đến trải nghiệm hạnh phúc cho khách hàng, nhân viên cũng như toàn thể cộng đồng, xã hội.



Đối với khách hàng, đối tác.

Hợp tác chân thành với tôn chỉ uy tín đặt lên hàng đầu và luôn quan tâm đến lợi ích của khách hàng, đối tác. Thực hiện phương châm hợp tác “cùng thành công” để có sự gắn bó lâu bền và cùng phát triển.

Thực hiện các hoạt động tiếp thị & phát triển sản phẩm, dịch vụ mới, cải tiến các sản phẩm, dịch vụ hiện tại để ngày càng nâng cao chất lượng hướng đến việc mang lại giá trị tốt hơn cho khách hàng, cũng như tạo ra những trải nghiệm thú vị cho hành khách đến và đi tại sân bay Tân Sơn Nhất.

Đối với Cổ đông, Nhà đầu tư

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tối đa hóa giá trị Công ty, nâng cao lợi ích của cổ đông. Xây dựng bộ phận quan hệ cổ đông để chủ động minh bạch thông tin về tình hình hoạt động Công ty, công bố các báo cáo tài chính trên các phương tiện truyền thông đại chúng, trang mạng và các ấn phẩm của Công ty.

Đối với Người lao động

Chính sách ưu việt đối với người lao động, từ việc duy trì một môi trường làm việc hiệu quả, gắn liền với chế độ đãi ngộ hợp lý, thu hút, các chương trình nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân sự, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, bình đẳng, thân thiện và

an toàn, đảm bảo cho CBNV có công việc làm và nguồn thu nhập ổn định, SASCO tạo dựng được nguồn nhân lực mạnh về chất và lực, vững vàng chuyên môn và tận tâm trong từng vị trí công tác, gắn bó xây dựng Công ty

SASCO tổ chức làm việc 8 giờ/ ngày, 5 ngày/ tuần (đối với Khối Văn phòng) và luân phiên 7 ngày/ tuần (đối với bộ phận Dịch vụ). CBNV được hưởng chế độ nghỉ Lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo đúng quy định của Luật Lao động.

Đối với xã hội và cộng đồng,

Hoạt động kinh doanh của SASCO đã và đang tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn người lao động, đóng góp vào sự ổn định và an sinh xã hội. Trong chuỗi dịch vụ, SASCO cam kết kiểm soát hoạt động kinh doanh tuân thủ nghiêm túc các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, quản lý nguồn sản phẩm, nguyên nhiên liệu xanh, sạch, cung cấp dịch vụ chất lượng cao, bảo đảm sức khỏe cho người tiêu dùng.

Nối tiếp truyền thống từ nhiều năm qua của SASCO mà đại diện là các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên đã vận động và tổ chức thực hiện công tác cộng đồng xã hội hiệu quả và thiết thực nhất. Những hành trình xuyên suốt trong năm hướng về các địa chỉ đỏ chăm lo cho các gia đình chính sách, mẹ Việt Nam anh hùng, kết

nổi vòng tay cùng các địa phương, tình thành khó khăn ươm những mầm xanh qua học bổng khuyến học tài trợ liên tục cho các học sinh nghèo, học giỏi và phấn đấu tốt, vươn lên trong cuộc sống.

Đối với thiên nhiên và môi trường

SASCO đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện các hoạt động kinh doanh của mình thông qua ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường, triển khai chính sách tiết kiệm và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đối với toàn thể nhân viên.

Thực hiện định hướng chiến lược phát triển bền vững, 17 mục tiêu phát triển bền vững được SASCO truyền tải sâu rộng đến toàn thể CBCNV, để biết để hiểu và chung tay thực hiện. Qua 3 năm chính thức trở thành thành viên của Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam. SASCO phát huy mạnh mẽ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, cam kết tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp góp phần thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam phát triển bền vững.



Báo cáo tài chính kiểm toán







**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trưng Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area,
Phước Hải Ward, Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 1.0376/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 23 tháng 02 năm 2018, từ trang 08 đến trang 61, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2018-008-1

Võ Thành Công - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1033-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.281.818.357.256	1.211.168.160.950
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	547.111.043.333	489.855.566.371
1. Tiền	111		265.111.043.333	117.592.677.482
2. Các khoản tương đương tiền	112		282.000.000.000	372.262.888.889
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		272.000.000.000	72.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	28.644.000.000	28.644.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(28.644.000.000)	(28.644.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	272.000.000.000	72.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		134.951.544.946	335.347.669.618
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	90.782.046.607	99.894.251.489
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.119.283.845	15.412.613.498
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	97.643.116.934	271.504.595.268
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(61.592.902.440)	(51.463.790.637)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		285.872.390.172	293.609.648.447
1. Hàng tồn kho	141	V.7	285.872.390.172	293.609.648.447
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.883.378.805	20.355.276.514
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	7.416.693.084	6.071.671.432
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.515.648.003	13.063.709.567
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	1.951.037.718	1.219.895.515
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-


CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		867.959.153.781	854.460.564.955
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		254.938.754.237	252.588.230.217
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	505.903.337.393	474.221.101.176
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.6	(250.964.583.156)	(221.632.870.959)
II.	Tài sản cố định	220		233.142.906.635	231.874.025.593
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	175.984.586.419	201.717.188.726
-	- Nguyên giá	222		512.824.797.339	499.871.863.823
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(336.840.210.920)	(298.154.675.097)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	30.276.026.938	4.065.636.360
-	- Nguyên giá	225		33.978.716.730	4.065.636.360
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.702.689.792)	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	26.882.293.278	26.091.200.507
-	- Nguyên giá	228		34.891.716.584	33.096.409.799
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.009.423.306)	(7.005.209.292)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.12	32.243.749.055	32.243.749.055
-	- Nguyên giá	231		37.252.913.794	37.252.913.794
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.009.164.739)	(5.009.164.739)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		47.611.362.625	37.621.522.587
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	47.611.362.625	37.621.522.587
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		272.848.120.431	254.159.762.605
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	178.277.281.987	178.277.281.987
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	110.046.251.500	100.045.701.500
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(15.475.413.056)	(24.163.220.882)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		27.174.260.798	45.973.274.898
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	19.996.443.107	34.465.029.409
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	7.177.817.691	11.508.245.489
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.149.777.511.037	2.065.628.725.905

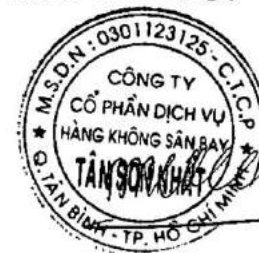
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300		607.358.227.566	579.683.951.839
I.	Nợ ngắn hạn	310		590.034.854.267	576.729.427.839
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	383.228.683.377	315.465.446.485
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	3.942.877.725	944.693.786
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	25.207.978.361	12.584.625.630
4.	Phải trả người lao động	314	V.18	57.688.780.627	62.792.029.458
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	295.647.306	24.640.927.320
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	2.628.485.379	3.963.506.868
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	12.426.074.490	11.839.818.354
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	63.323.975.135	119.374.957.640
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	41.292.351.867	25.123.422.298
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		17.323.373.299	2.954.524.000
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	257.724.000	357.724.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	17.065.649.299	2.596.800.000
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D				
- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.542.419.283.471	1.485.944.774.066
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.542.419.283.471	1.485.944.774.066
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	1.334.813.100.000	1.315.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.334.813.100.000	1.315.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.962.620.000	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	582.661.723	582.661.723
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	203.060.901.748	170.362.112.343
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		24.763.337.636	170.362.112.343
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		178.297.564.112	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.149.777.511.037	2.065.628.725.905

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2018


 Nguyễn Thị Thu
 Người lập


 Tôn Nữ Diệu Trí
 Kế toán trưởng





 Đoàn Thị Mai Hương
 Tổng Giám đốc

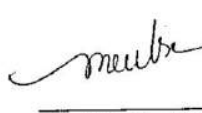
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.369.403.920.880	2.110.082.852.888
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	9.019.797	40.871.100
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.369.394.901.083	2.110.041.981.788
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.312.176.493.813	1.202.047.138.186
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.057.218.407.270	907.994.843.602
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	135.884.954.914	174.713.526.761
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	(4.211.633.946)	55.788.580.863
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.866.585.990	1.580.542.103
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	584.376.443.079	473.404.728.261
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	271.647.978.804	218.359.989.429
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		341.290.574.247	335.155.071.810
11. Thu nhập khác	31	VI.8	10.298.081.578	10.991.100.592
12. Chi phí khác	32	VI.9	1.727.060.199	48.285.659.787
13. Lợi nhuận khác	40		8.571.021.379	(37.294.559.195)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		349.861.595.626	297.860.512.615
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	55.209.426.130	62.724.744.170
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14	4.330.427.798	(10.604.183.866)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		290.321.741.698	245.739.952.311
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.957	1.663
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.957	1.663


Nguyễn Thị Thu
Người lập


Tôn Nữ Diệu Trí
Kế toán trưởng



ngày 23 tháng 02 năm 2018

Đoàn Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP


(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		349.861.595.626	297.860.512.615
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10, 11	50.050.716.729	44.426.561.273
- Các khoản dự phòng	03	V.2c, 6	30.773.016.174	32.582.312.036
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	(4.068.923.140)	10.671.033.285
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(88.929.060.633)	(167.436.779.993)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	1.866.585.990	1.580.542.103
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		339.553.930.746	219.684.181.319
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.247.579.166)	(72.397.214.427)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.737.258.275	(40.200.868.369)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		47.682.847.007	76.308.666.765
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		16.707.035.696	15.846.837.405
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	207.577.500
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, VI.5	(1.745.613.162)	(1.599.075.493)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(68.099.354.822)	(99.855.423.132)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	VII.2	(18.819.236.724)	(75.167.830.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		319.769.287.850	22.826.851.068
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11, V.13 VII	(27.307.576.660)	(63.090.671.363)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		4.809.800	3.245.009.620
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(325.000.000.000)	(125.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		125.000.000.000	147.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(10.000.550.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.5a	149.125.000.000	89.541.357.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.4	84.681.659.697	63.696.252.644
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.496.657.163)	115.391.947.901

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		23.775.720.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22a	239.150.337.627	542.795.141.228
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22a	(296.613.352.859)	(595.091.146.266)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.22a, 22b	(2.803.211.625)	(1.176.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21a, V.24	(222.399.521.200)	(103.195.233.926)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(258.890.028.057)	(156.667.238.964)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		57.382.602.630	(18.448.439.995)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	489.855.566.371	508.015.455.956
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(127.125.668)	288.550.410
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	547.111.043.333	489.855.566.371


 Nguyễn Thị Thu
 Người lập


 Tôn Nữ Diệu Trí
 Kế toán trưởng


 TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2018
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN DỊCH VỤ
 HÀNG KHÔNG SÂN BAY
 TÂN SƠN NHẤT
 Đ. TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH
 Đoàn Thị Mai Hương
 Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến suất ăn, kinh doanh ăn uống, hàng mỹ nghệ, hàng miễn thuế; Sản xuất nước uống; Kinh doanh khách sạn, du lịch; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh; Sửa chữa ô tô, lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành Hàng không; Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại Hàng không; Đại lý bán vé máy bay, kinh doanh quảng cáo; Xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ hành khách, nhập khẩu trang thiết bị phục vụ công tác kinh doanh của công ty; Mua bán rượu và thuốc lá điều sản xuất trong nước; Bán lẻ xăng dầu; Kinh doanh trang trại; Kinh doanh bất động sản, môi giới bất động sản; Kinh doanh du lịch, lữ hành quốc tế, đại lý đối ngoại tệ; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa; Dịch vụ massage, xoa bóp bấm huyệt đôi bàn chân tại khu vực cách ly ga đi quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	Số 45 đường Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Mua bán cho thuê vật tư, thiết bị phục vụ ngành xăng dầu; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	37,34%	37,34%	37,34%
Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco	Số 47 đường Nguyễn Huệ, khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ khách sạn	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viet Home GMBH)	Leipziger Str.54, VH, EG 10G-10117 Berlin, Đức	Đại lý vé máy bay, dịch vụ du lịch, xuất nhập khẩu, thương mại	29,00%	29,00%	29,00%
Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh	Số 45 đường Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, thiết kế, thi công và bảo trì sân vườn; Cung cấp các dịch vụ cây trang trí cho văn phòng; Cho thuê cây	24,00%	24,00%	24,00%
Công ty cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh	Số 415B đường Hoàng Văn Thụ, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ, thương mại	20,00%	20,00%	20,00%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ
Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Phòng kinh doanh hàng miễn thuế	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Phú Quốc	Số 379 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Hà Nội	Số 50, ngõ 41, Thái Hà, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Long An	Lô Q-1B Khu công nghiệp Long Hậu mở rộng, xã Long Hậu, huyện Cần Giờ, tỉnh Long An

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 1.216 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.289 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản

phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho hàng hóa của cửa hàng miễn thuế và trung tâm thương mại được tính theo phương pháp thực tế đích danh, hàng tồn kho còn lại được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, tiền thuê đất trả trước, lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần tư vấn - dịch vụ về tài sản - bất động sản DATC. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phân đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (45 năm).

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí thuê mặt bằng quảng cáo, chi phí vận chuyển, bản quyền diệt virus, ... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính là phương tiện vận tải, truyền dẫn là 05 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 34 - 50 năm.

Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 04 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính tổng hợp các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi

Doanh thu đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng là phần hoa hồng bán hàng mà Công ty được hưởng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

25. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	17.076.833.872	12.393.188.656
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	246.678.179.091	103.949.562.186
Tiền đang chuyển ⁽ⁱ⁾	1.356.030.370	1.249.926.640
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱⁱ⁾	282.000.000.000	372.262.888.889
Cộng	547.111.043.333	489.855.566.371

(i) Thẻ tín dụng thu của khách hàng.

(ii) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	28.644.000.000	-	(28.644.000.000)	28.644.000.000	-	(28.644.000.000)
Ngân hàng thương mại Cổ phần Đông Á	28.644.000.000	-	(28.644.000.000)	28.644.000.000	-	(28.644.000.000)
Cộng	28.644.000.000	-	(28.644.000.000)	28.644.000.000	-	(28.644.000.000)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	28.644.000.000	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	28.644.000.000
Số cuối năm	28.644.000.000	28.644.000.000

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 06 tháng.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	178.277.281.987	(14.900.289.718)		178.277.281.987	(24.163.220.882)	
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất ⁽ⁱ⁾	149.376.730.000	-		149.376.730.000	(9.262.931.164)	
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco ⁽ⁱⁱ⁾	10.800.262.269	-		10.800.262.269	-	
Công ty liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viet Home GMBH) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	14.900.289.718	(14.900.289.718)		14.900.289.718	(14.900.289.718)	
Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh ^(iv)	1.200.000.000	-		1.200.000.000	-	
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh ^(v)	2.000.000.000	-		2.000.000.000	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	110.046.251.500	(575.123.338)	101.647.400.000	100.045.701.500	-	49.362.776.500
Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài	8.696.000.000	-	11.642.400.000	8.696.000.000	-	
Công ty Cổ phần suất ăn hàng không sân bay Nội Bài ^(vi)	21.811.000.000	-	90.005.000.000	11.810.450.000	-	49.362.776.500
Công ty Cổ phần địa ốc Thảo Điền	44.732.290.000	-		44.732.290.000	-	
Công ty Cổ phần thương mại Sabeco Trung tâm	70.000.000	-		70.000.000	-	
Công ty Cổ phần du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng (Trước đây là Công ty Cổ phần Thành Ngọc)	11.542.176.000	-		11.542.176.000	-	
Công ty Cổ phần xây dựng công nghiệp	4.930.000.000	-		4.930.000.000	-	
Công ty TNHH dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất	15.464.785.500	-		15.464.785.500	-	
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Phú Quốc	2.800.000.000	(575.123.338)		2.800.000.000	-	
Cộng	288.323.533.487	(15.475.413.056)	101.647.400.000	278.322.983.487	(24.163.220.882)	49.362.776.500

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305515395, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 24 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất 149.376.730.000 VND, tương đương 49,79% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết Số 02/NQ/ĐHĐCĐ-TAPETCO-2017 ngày 27 tháng 03 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất đã thông qua phương án tăng vốn góp từ 300 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng, tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất sau khi tăng vốn là 37,34% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5602000027 ngày 12 tháng 4 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần 03 ngày 12 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco 10.800.262.269 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh ngày 08 tháng 6 năm 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viet Home GMBH) 29% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305515483 ngày 03 tháng 7 năm 2010, Công ty nắm giữ 1.200 cổ phiếu tương đương 24% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313546236 ngày 23 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh 2.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.
- (vi) Ghi tăng 1.000.055 cổ phiếu tương đương 10.000.550.000 VND theo Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số VSD10301123125 ngày 15 tháng 02 năm 2017 và số VSD10301123125 ngày 27 tháng 10 năm 2017.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh được thành lập vào thời điểm cuối năm 2015 và hiện nay vẫn chưa phát sinh các hoạt động đáng kể.

Các công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	24.163.220.882	14.900.289.718
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng bổ sung	(8.687.807.826)	9.262.931.164
Số cuối năm	15.475.413.056	24.163.220.882

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất		
<i>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	3.799.749.547	239.218.365
<i>Chi hộ vé máy bay</i>	157.962.000	109.071.000
<i>Mua hàng hóa và dịch vụ bảo dưỡng xe</i>	5.247.011.328	8.245.595.685
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco		
<i>Mua hàng</i>	1.033.760.000	1.651.780.000
<i>Lãi liên doanh được chia</i>	996.945.627	559.305.919
<i>Chi phí thuê khu du lịch</i>	1.363.636.368	1.363.636.368

Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh		
<i>Bán hàng hóa, dịch vụ</i>	6.172.375	73.570.866
<i>Thuê mặt bằng</i>	176.400.000	132.300.000
<i>Thuê cây cảnh trang trí</i>	994.791.712	856.232.816
<i>Mua hàng hóa</i>	19.271.693.570	18.547.718.646
<i>Hỗ trợ bán hàng</i>	168.597.630	25.000.000
<i>Cổ tức nhận được</i>	252.000.000	264.000.000

Công ty liên doanh Cổ phần Nhà Việt		
<i>Thu chi hộ khác</i>	-	240.761.592

Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh		
<i>Bán hàng hóa</i>	1.217.261.923	431.592.426
<i>Mua hàng hóa</i>	162.671.424	2.803.129.851

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	17.865.835.309	23.811.902.263
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam	2.591.614.180	2.616.968.000
Công ty Cổ phần vận tải hàng không Miền Nam	1.038.092.900	831.074.278
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn	25.570.800	843.489.100
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội	104.879.700	37.860.000
Công ty Cổ phần thương mại hàng không Miền Nam	6.932.860.000	14.533.667.100
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	1.530.924.100	85.121.000
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt	4.828.704.435	4.388.971.116
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu trời Xanh	813.189.194	474.751.669
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	72.916.211.298	76.082.349.226
Tổng Công ty hàng không Việt Nam - Trung tâm khai thác Tân Sơn Nhất (TOC)	20.805.568.843	18.749.047.206
Priority Pass (A.P) Ltd	10.623.391.481	14.533.667.100
Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại nhựa Hòa Phát	5.162.413.400	7.362.413.400
Các khách hàng khác	36.324.837.574	35.437.221.520
Cộng	90.782.046.607	99.894.251.489

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	60.500.000	49.660.408
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam	60.500.000	49.660.408
Trả trước cho các người bán khác	8.058.783.845	15.362.953.090
Công ty Cổ phần thương mại bia Sài Gòn Trung Tâm	357.592.400	4.420.531.500
Công ty Cổ phần Thực phẩm Thiên Hương	954.369.770	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Vân Khánh	861.947.051	-
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	-	2.852.938.199
Cobus Industries GmbH	-	5.742.808.362
Các nhà cung cấp khác	5.884.874.624	2.346.675.029
Cộng	8.119.283.845	15.412.613.498

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	62.727.108.459	47.430.886.468	53.880.229.214	43.230.431.455
Công ty liên doanh Cổ phần Nhà Việt - chi hộ tiền thuê mặt bằng và các khoản khác	47.430.886.468	47.430.886.468	43.230.431.455	43.230.431.455
Công ty Cổ phần vận tải hàng Không Miền Nam –Phải thu tiền chi hộ thuê mặt bằng	15.296.221.991	-	10.649.797.759	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	34.916.008.475	-	217.624.366.054	-
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Vạn An – phải thu tiền chuyên nhượng vốn trong Công ty TNHH Nova Sasco	-	-	149.125.000.000	-
Tạm ứng	461.365.580	-	527.028.342	-
Lãi dự thu của các ngân hàng	8.279.936.528	-	3.999.411.183	-
Ký quỹ	1.021.459.240	-	3.445.837.572	-
Tổng Công ty hàng không Việt Nam - Trung tâm khai thác Tân Sơn Nhất (TOC) - chi hộ tiền thuê đất	12.096.278.815	-	9.555.422.539	-
Công ty TNHH một thành viên xây dựng và kinh doanh nhà Phú Nhuận - thu hồi vốn và lãi bán nền nhà	1.733.428.375	-	1.733.428.375	-
Công ty cổ phần suất ăn hàng không Nội Bài – trả trước tiền mua cổ phần	-	-	4.000.220.000	-
IPP Group (S) Pte, Ltd	-	-	41.639.200.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	11.323.539.937	-	3.598.818.043	-
Cộng	97.643.116.934	47.430.886.468	271.504.595.268	43.230.431.455

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	250.964.583.156	250.964.583.156	221.632.870.959	221.632.870.959
Các khoản chi hộ cho Công ty liên doanh Nhà Việt (Viet Home GMBH)	250.964.583.156	250.964.583.156	221.632.870.959	221.632.870.959
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	254.938.754.237	-	252.588.230.217	-
Ký quỹ	26.107.414.605	-	22.326.934.605	-
Ứng trước phí làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
Ứng tiền cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Phú Quốc để bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng tại khu du lịch sinh thái Bắc Vũng Bàu tại ấp 04, xã Cửa Cạn, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	162.389.278.838	-	162.389.278.838	-
Ứng tiền đền bù giải tỏa dự án khách sạn Sasco - Nha Trang	4.884.249.333	-	7.611.659.824	-
Công ty TNHH một thành viên Nhà Phú Nhuận - vốn góp hợp tác kinh doanh	16.978.636.950	-	16.978.636.950	-
Công ty xuất nhập khẩu và hợp tác đầu tư giao thông vận tải (Tracimexco) - vốn góp đầu tư	30.040.240.000	-	30.040.240.000	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	1.538.934.511	-	241.480.000	-
Cộng	505.903.337.393	250.964.583.156	474.221.101.176	221.632.870.959

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		303.224.174.059	-		269.252.273.531	-
Công ty liên doanh Nhà Việt (Viet Home GMBH)		303.224.174.059	-		269.252.273.531	-
Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	4.828.704.435	-	Trên 03 năm	4.388.971.116	-
Chi hộ	Từ 1 năm đến trên 03 năm	298.395.469.624	-	Từ dưới 6 tháng đến trên 03 năm	264.863.302.415	-
Các tổ chức và cá nhân khác		17.383.582.835	8.050.271.298		8.455.700.791	4.611.312.726
Phải thu tiền bán hàng	Từ dưới 06 tháng đến trên 03 năm	16.950.933.573	7.929.480.327	Từ dưới 06 tháng đến trên 03 năm	8.117.432.501	4.584.902.726
Trả trước cho người bán	Trên 03 năm	432.649.262	120.790.971	Từ 2 năm đến trên 03 năm	338.268.290	26.410.000
Cộng		320.607.756.894	8.050.271.298		277.707.974.322	4.611.312.726

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	273.096.661.596	278.421.280.724
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	39.460.824.000	(5.324.619.128)
Số cuối năm	312.557.485.596	273.096.661.596

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.848.671.569	-	5.102.835.181	-
Công cụ, dụng cụ	974.259.309	-	1.245.678.821	-
Thành phẩm	1.178.304.383	-	397.391.664	-
Hàng hóa	279.836.683.890	-	286.820.288.811	-
Hàng gửi đi bán	34.471.021	-	43.453.970	-
Cộng	285.872.390.172	-	293.609.648.447	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	390.382.328	961.284.528
Công cụ, dụng cụ	917.856.474	1.893.087.990
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.108.454.282	3.217.298.914
Cộng	7.416.693.084	6.071.671.432

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất, nhà kho, nhà xưởng trả trước	9.951.217.228	10.188.622.012
Công cụ, dụng cụ	8.145.353.300	8.574.971.138
Chi phí sửa chữa lớn	707.254.366	1.626.292.767
Lợi thế kinh doanh	-	12.916.853.904
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.192.618.213	1.158.289.588
Cộng	19.996.443.107	34.465.029.409

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	137.406.368.807	29.876.606.916	288.140.668.552	6.236.795.308	38.211.424.240	499.871.863.823
Mua trong năm	-	520.914.364	1.944.471.636	329.868.500	-	2.795.254.500
Đầu tư XD/CB hoàn thành	14.982.047.261	2.270.209.286	-	-	-	17.252.256.547
Thanh lý, nhượng bán	-	(104.393.850)	-	(283.660.204)	(311.980.694)	(700.034.748)
Giảm do phá dỡ tài sản hư hỏng	(237.515.886)	-	-	-	(6.157.026.897)	(6.394.542.783)
Số cuối năm	152.150.900.182	32.563.336.716	290.085.140.188	6.283.003.604	31.742.416.649	512.824.797.339
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.055.719.235	19.906.648.242	106.989.127.621	3.024.884.428	22.709.730.704	154.686.110.230
Chờ thanh lý	-	-	43.172.760.553	-	-	43.172.760.553
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	44.890.146.428	22.894.679.123	193.287.134.814	4.200.672.549	32.882.042.183	298.154.675.097
Khấu hao trong năm	14.348.253.449	2.050.565.100	26.381.427.839	672.267.232	1.891.299.303	45.343.812.923
Thanh lý, nhượng bán	-	(66.459.641)	-	(283.660.204)	(311.980.694)	(662.100.539)
Giảm do phá dỡ tài sản hư hỏng	(212.466.616)	-	-	-	(5.783.709.945)	(5.996.176.561)
Số cuối năm	59.025.933.261	24.878.784.582	219.668.562.653	4.589.279.577	28.677.650.847	336.840.210.920
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	92.516.222.379	6.981.927.793	94.853.533.738	2.036.122.759	5.329.382.057	201.717.188.726
Số cuối năm	93.124.966.921	7.684.552.134	70.416.577.535	1.693.724.027	3.064.765.802	175.984.586.419
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn
Nguyên giá	
Số đầu năm	4.065.636.360
Thuê tài chính trong năm	29.913.080.370
Số cuối năm	33.978.716.730
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	3.702.689.792
Số cuối năm	3.702.689.792
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	4.065.636.360
Số cuối năm	30.276.026.938

Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.0816/HĐCTTC-Sasco ngày 20 tháng 10 năm 2016 và hợp đồng cho thuê tài chính số 13.0816/HĐCTTC-SASCO ngày 24 tháng 10 năm 2016, Công ty được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	30.944.738.761	100.555.555	2.051.115.483	33.096.409.799
Mua trong năm	-	-	1.795.306.785	1.795.306.785
Số cuối năm	30.944.738.761	100.555.555	3.846.422.268	34.891.716.584
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	100.555.555	1.730.794.483	1.831.350.038
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	5.117.879.064	100.555.555	1.786.774.673	7.005.209.292
Khấu hao trong năm	628.843.453	-	375.370.561	1.004.214.014
Số cuối năm	5.746.722.517	100.555.555	2.162.145.234	8.009.423.306
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	25.826.859.697	-	264.340.810	26.091.200.507
Số cuối năm	25.198.016.244	-	1.684.277.034	26.882.293.278
Trong đó:				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

12. Bất động sản đầu tư**Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn đã trích theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC	Tổn thất do suy giảm giá trị	Giá trị còn lại
Số đầu năm	37.252.913.794	5.009.164.739	-	32.243.749.055
Số cuối năm	37.252.913.794	5.009.164.739	-	32.243.749.055

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Khu đất 10.316 m ² tại Xuân Thới Sơn - Hóc Môn	5.132.260.000	801.122.625	4.331.137.375
Khu đất số 9,10,11 thuộc Khu đất 2.000 m ² và 1.000m ² tại đường Hùng Vương, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	6.222.717.346	1.256.109.502	4.966.607.844
Khu đất số 5 thuộc khu đất 1.475,8 m ² tại đường Hùng Vương, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	3.472.623.126	660.530.562	2.812.092.564
Khu đất số 5 thuộc khu đất 2.200 m ² tại đường Hùng Vương, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	8.216.358.700	683.547.876	7.532.810.824
Khu đất 9.973 m ² tại ấp Rạch Chiếc, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	5.458.267.422	396.881.118	5.061.386.304
Khu đất số 13 thuộc khu đất 4.758 m ² tại đường Nguyễn Chí Thành, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	8.750.687.200	1.210.973.056	7.539.714.144
Cộng	37.252.913.794	5.009.164.739	32.243.749.055

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển sang chi phí trả trước chờ phân bổ	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	755.820.000	-	-	-	755.820.000
Xây dựng cơ bản dở dang	36.865.702.587	30.825.567.631	(17.252.256.547)	(3.583.471.046)	46.855.542.625
<i>Dự án trang trại Suối Nhung (Bình Phước)</i>	25.094.293.718	903.557.636	-	-	25.997.851.354
<i>Dự án khu du lịch sinh thái Bắc Vũng Bầu - Phú Quốc</i>	2.215.323.729	7.841.166.412	-	-	10.056.490.141
<i>Các dự án khác</i>	9.556.085.140	22.080.843.583	(17.252.256.547)	(3.583.471.046)	10.801.201.130
Cộng	37.621.522.587	30.825.567.631	(17.252.256.547)	(3.583.471.046)	47.611.362.625

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Số cuối năm
Khấu hao bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá	904.061.623	-	904.061.623
Dự phòng đầu tư giảm giá chứng khoán ngắn hạn	5.728.800.000	-	5.728.800.000
Các chi phí phải trả	4.875.383.866	(4.875.383.866)	-
Dự phòng phải thu khó đòi	-	516.241.340	516.241.340
Các khoản khác	-	28.714.728	28.714.728
Cộng	11.508.245.489	(4.330.427.798)	7.177.817.691

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	33.330.433.677	25.367.806.937
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam - phải trả tiền cung cấp hàng hóa dịch vụ	26.598.919.257	19.968.107.154
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn - phải trả tiền cung cấp hàng hóa dịch vụ	511.225.000	-
Công ty Cổ phần thương mại hàng không Miền Nam - phải trả tiền cung cấp hàng hóa dịch vụ	381.400.000	106.398.000
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất - cung cấp dịch vụ	2.112.917.771	1.427.635.656
Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh - cung cấp dịch vụ	1.925.306.629	1.624.800.917
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt - mua hàng và dịch vụ	1.099.131.540	972.955.510
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh	7.899.980	80.365.836
Công ty Cổ phần vận tải hàng không Miền Nam	693.633.500	1.187.543.864
Phải trả các nhà cung cấp khác	349.898.249.700	290.097.639.548
IPP Group (S) Pte.,Ltd	288.350.671.815	250.628.324.561
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	13.677.904.768	-
Các nhà cung cấp khác	47.869.673.117	39.469.314.987
Cộng	383.228.683.377	315.465.446.485

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Không có số dư trả trước của các bên liên quan. Các khoản trả trước chủ yếu là của các khách hàng tại Chi nhánh Phú Quốc.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	292.829.068	-	3.312.455.604	(3.243.613.296)	361.671.376	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	41.236.876	(41.236.876)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	43.131.687	(43.131.687)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.285.949.137	-	55.209.426.130	(68.099.354.822)	-	603.979.555
Thuế thu nhập cá nhân	1.862.683	1.219.895.515	13.842.988.232	(13.972.013.563)	-	1.347.058.163
Tiền thuê đất, thuế đất	-	-	34.901.203.569	(10.057.262.663)	24.843.940.906	-
Các loại thuế khác	3.984.742	-	59.716.236	(61.334.899)	2.366.079	-
Cộng	12.584.625.630	1.219.895.515	107.410.158.334	(95.517.947.806)	25.207.978.361	1.951.037.718

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Kinh doanh hàng miễn thuế, sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi: Không chịu thuế
- Dịch vụ vận tải hành khách quốc tế và xuất khẩu tại chỗ: 0%
- Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác: 05% - 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Đối với Chi nhánh Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Long An, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 50221000455 ngày 15 tháng 9 năm 2014 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động chiết rót, đóng chai nước mắm (quy mô 300.000 lít/năm) với thuế suất 20%, được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính được từ năm thứ tư.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	349.861.595.626	297.860.512.615
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	46.532.360.313	63.170.629.135
- Các khoản điều chỉnh giảm	(62.208.723.853)	(7.938.403.645)
Thu nhập chịu thuế	334.185.232.086	353.092.738.105
Thu nhập được miễn thuế	(58.138.101.436)	(42.613.915.586)
Thu nhập tính thuế	276.047.130.650	310.478.822.519
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	55.209.426.130	62.095.764.504
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	628.979.666
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	55.209.426.130	62.724.744.170

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 22,473.60 m² đất đang sử dụng tại số 45 đường Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với mức 411.840 VND/m².

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Quỹ lương được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 17A/2017/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 04 năm 2017 với tỷ lệ 25,2% lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện bằng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ giá vốn hàng mua - giá thành dịch vụ, sản xuất (không bao gồm lương và chi phí khấu hao).

Số dư cuối năm là quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất tại đường Hồng Hà	-	24.376.919.332
Chi phí lãi vay phải trả	144.563.298	23.590.470
Chi phí giá vốn đặt phòng khách sạn	151.084.008	240.417.518
Cộng	295.647.306	24.640.927.320

20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Tiền trả trước về cho thuê. Không có doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan.

21. Phải trả khác**21a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	19.050.240	-
Tổng Công ty cảng hàng không Miền Nam	19.050.240	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	12.407.024.250	11.839.818.354
Kinh phí công đoàn	392.039.644	449.795.937
Nhận ký quỹ ngắn hạn	807.193.489	1.210.542.132
Cổ tức phải trả	472.070.000	236.805.200
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	10.735.721.117	9.942.675.085
Cộng	12.426.074.490	11.839.818.354

21b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn cho các tổ chức khác.

21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay và nợ thuê tài chính**22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	59.795.160.035	118.725.757.640
Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	59.079.991.285
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	59.795.160.035	59.645.766.355
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số 22b)	3.528.815.100	649.200.000
Cộng	63.323.975.135	119.374.957.640

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo chính sách của Ngân hàng công bố từng thời kỳ, thời hạn mỗi khoản vay không quá 06 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	118.725.757.640	239.150.337.627	-	(1.467.582.373)	(296.613.352.859)	59.795.160.035
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	649.200.000	-	3.528.815.100	-	(649.200.000)	3.528.815.100
Cộng	119.374.957.640	239.150.337.627	3.528.815.100	(1.467.582.373)	(297.262.552.859)	63.323.975.135

22b. Nợ thuê tài chính dài hạn

Thuê tài chính Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu theo hợp đồng thuê tài chính số 02.0816/HĐCTTC-Sasco ngày 20 tháng 10 năm 2016 để mua xe với lãi suất năm 2017 là 7,8%/năm (VND), từ năm 2018 đến năm 2021 lãi thuê phải trả theo lãi suất tại từng kỳ hạn điều chỉnh lãi do Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu thông báo. Thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Thuê tài chính Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu theo hợp đồng thuê tài chính số 13.0816/HĐCTTC-SASCO ngày 24 tháng 10 năm 2016 để mua xe với lãi suất năm 2017 là 2,8%/năm (USD), từ năm 2018 đến năm 2023 lãi thuê phải trả bằng trung bình cộng lãi suất huy động 12 tháng đồng tiền USD (trả lãi sau) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu + 2,8% (cộng 2,8%). Thời hạn thuê là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.528.815.100	649.200.000
Trên 1 năm đến 5 năm	13.466.060.400	2.596.800.000
Trên 5 năm	3.599.588.899	-
Cộng	20.594.464.399	3.246.000.000

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền gốc phải trả	3.528.815.100	13.466.060.400	3.599.588.899	20.594.464.399
Lãi thuê phải trả (*)	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính phải trả	3.528.815.100	13.466.060.400	3.599.588.899	20.594.464.399
Số đầu năm				
Tiền gốc phải trả	649.200.000	2.596.800.000	-	3.246.000.000
Lãi thuê phải trả	243.025.315	-	-	243.025.315
Nợ thuê tài chính phải trả	892.225.315	2.596.800.000	-	3.489.025.315

(*) Từ năm 2018 đến năm 2023 lãi thuê phải trả theo lãi suất tại từng kỳ hạn điều chỉnh lãi do Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu thông báo.

Chi tiết phát sinh của khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	2.596.800.000
Số tiền vay phát sinh	20.148.080.652
Số tiền vay đã trả	(2.154.011.625)
Chênh lệch tỷ giá	3.595.372
Kết chuyển sang nợ ngắn hạn	(3.528.815.100)
Số cuối năm	17.065.649.299

Công ty không có khoản nợ thuê tài chính chưa thanh toán.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	13.355.057.353	17.494.083.146	(7.635.053.005)	23.214.087.494
Quỹ phúc lợi	11.611.805.310	15.903.711.952	(10.427.624.084)	17.087.893.178
Quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	156.559.635	1.590.371.195	(756.559.635)	990.371.195
Cộng	25.123.422.298	34.988.166.293	(18.819.236.724)	41.292.351.867

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.315.000.000.000	-	-	11.653.234.450	1.326.653.234.450
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	245.739.952.311	245.739.952.311
Lợi nhuận điều chỉnh theo biên bản kiểm toán nhà nước	-	-	-	16.124.472.000	16.124.472.000
Trích lập quỹ trong năm	-	-	582.661.723	(28.468.062.969)	(27.885.401.246)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(74.687.483.449)	(74.687.483.449)
Số dư cuối năm trước	1.315.000.000.000	-	582.661.723	170.362.112.343	1.485.944.774.066
Số dư đầu năm nay	1.315.000.000.000	-	582.661.723	170.362.112.343	1.485.944.774.066
Tăng vốn trong năm	19.813.100.000	-	-	-	19.813.100.000
Thặng dư vốn trong năm	-	3.962.620.000	-	-	3.962.620.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	290.321.741.698	290.321.741.698
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	(34.988.166.293)	(34.988.166.293)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(222.634.786.000)	(222.634.786.000)
Số dư cuối năm nay	1.334.813.100.000	3.962.620.000	582.661.723	203.060.901.748	1.542.419.283.471

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam	655.042.000.000	670.650.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương	332.902.000.000	316.295.000.000
Công ty TNHH Thời trang và mỹ phẩm Duy Anh	65.750.000.000	65.750.000.000
Công ty TNHH Thời trang và mỹ phẩm Âu Châu	205.384.000.000	191.990.000.000
Các cổ đông khác	75.735.100.000	70.315.000.000
Cộng	1.334.813.100.000	1.315.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty vẫn đang tiến hành thủ tục đăng ký thay đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh nâng vốn chủ sở hữu từ 1.315.000.000.000 VND thành 1.334.813.100.000 VND.

24c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	133.481.310	131.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	133.481.310	131.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	133.481.310	131.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	133.481.310	131.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	133.481.310	131.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2016 và đồng thời trích lập quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 02-NQ/SASCO-ĐHĐCĐ-2017 ngày 07 tháng 4 năm 2017 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	142.546.000.000
• Quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017	1.451.608.708

Bên cạnh đó, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2016 bổ sung theo biên bản kiểm toán nhà nước theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 04-NQ/SASCO-ĐHĐCĐ-2017 ngày 15 tháng 11 năm 2017 như sau:

	VND
• Quỹ khen thưởng	1.526.387.353
• Quỹ phúc lợi	1.387.624.867
• Quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016	138.762.487

Ngoài ra, Công ty cũng tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 cho các cổ đông với số tiền 80.088.786.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 04/2017/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 11 năm 2017.

Đồng thời Công ty cũng tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Tờ trình số 071/SASCO-TCKT ngày 18 tháng 12 năm 2017 đã được Tổng Giám đốc phê duyệt. Chi tiết trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng	15.967.695.793
• Trích quỹ phúc lợi	14.516.087.085

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

25a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	191.349.883.620	163.468.343.498
Trên 1 năm đến 5 năm	763.581.352.661	412.385.245.213
Trên 5 năm	1.049.628.721.476	313.141.637.991
Cộng	2.004.559.957.757	888.995.226.702

25b. Tài sản nhận giữ hộ

Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi.

Chủng loại	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Đơn vị tính		Đơn vị tính	
	Cái	Khác	Cái	Khác
Cây kiểng, tranh, hoa	169	1	275	2
Hàng công nghệ phẩm	12.619	13.163	8.722	11.287
Da và giả da	3.062	760	2.959	846
Hàng may mặc, vải	19.189	1.665	15.408	2.173
Hàng mỹ nghệ	46.059	14.676	37.471	11.438
Hàng mỹ phẩm	1.584	7.042	1.724	8.108
Hàng thực phẩm	-	13.030	-	6.211
Hàng trang sức	2.286	793	3.230	2.971
Văn hóa phẩm	600	1.092	2.413	115
Vàng bạc – đá quý	857	18.286	-	1.526
Cộng	86.425	70.508	72.202	44.677

25c. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Úc (AUD)	16.610,01	12.960,01
Bạt Thái Lan (BHT)	33.110,00	35.810,00
Dollar Canada (CAD)	4.855,00	1.700,00
Euro (EUR)	52.501,52	20.962,25
Bảng Anh (£)	3.650,01	1.640,01
Franc Thụy Sĩ (CHF)	1.000,00	1.850,00
Dollar Hồng Kông (HKD)	11.540,00	26.660,00
Yên Nhật (JPY)	1.105.000,00	899.000,00
Dollar Singapore (SGD)	17.233,00	16.601,00
Dollar Mỹ (USD)	8.465.211,30	2.540.392,50
Dollar New Zealand (NZD)	505,00	110,00
Won Hàn Quốc (KRW)	18.000,00	-

25d. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm		Nguyên nhân xóa sổ
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
Phải thu khách hàng		23.279.144		23.279.144	Không có khả năng thu hồi
Trả trước cho người bán		10.500.000		10.500.000	Không có khả năng thu hồi
Phải thu khác	9,102.00 USD	189.419.811	9,102.00 USD	189.419.811	Không có khả năng thu hồi
Cộng		223.198.955		223.198.955	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế	1.171.138.108.598	1.028.180.232.773
Doanh thu hàng hóa tại trung tâm thương mại và các chi nhánh khác	344.826.941.517	319.865.893.170
Doanh thu hoạt động phòng khách	343.821.035.693	304.323.821.866
Doanh thu các hoạt động khác ⁽ⁱ⁾	509.617.835.072	457.712.905.079
Cộng	2.369.403.920.880	2.110.082.852.888

(i) Doanh thu hợp tác kinh doanh năm nay là 288.465.485.937 VND (năm trước là 233.930.370.870 VND).

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần vận tải hàng không Miền Nam <i>Cung cấp dịch vụ</i>	3.330.284.078	1.254.116.046
Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn <i>Cung cấp dịch vụ</i>	310.021.672	173.209.160
Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội <i>Cung cấp dịch vụ</i>	13.679.180	70.844.000
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam <i>Cung cấp dịch vụ</i>	1.603.820.285	515.870.990
Công ty Cổ phần Thương Mại Hàng Không Miền Nam <i>Giao dịch bán hàng</i>	6.904.590.714	30.958.383.904

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế	886.637.370.032	774.785.280.408
Giá vốn hàng hóa tại trung tâm thương mại và các chi nhánh khác	176.561.707.088	204.232.733.674
Giá vốn phòng khách	58.187.600.057	44.531.615.899
Giá vốn các hoạt động khác	190.789.816.636	178.497.508.205
Cộng	1.312.176.493.813	1.202.047.138.186

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	30.824.083.606	20.363.181.538
Cổ tức, lợi nhuận được chia	58.138.101.436	42.800.262.141
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	40.488.715.232	9.962.167.167
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4.068.923.140	-
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	-	89.325.000.000
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	-	12.348.122.000
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	101.127.500
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.365.131.500	(186.333.585)
Cộng	135.884.954.914	174.713.526.761

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.866.585.990	1.580.542.103
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.489.587.890	5.556.708.663
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	10.671.033.285
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá tổn thất đầu tư	(8.687.807.826)	37.906.931.164
Chi phí tài chính khác	120.000.000	73.365.648
Cộng	(4.211.633.946)	55.788.580.863

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	120.494.700.335	108.861.510.821
Chi phí vật liệu, bao bì	3.098.780.219	2.598.716.226
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	14.825.820.197	10.941.974.993
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.539.631.052	5.688.445.079
Chi phí tiền thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho	176.295.604.286	147.606.851.915
Chi phí quản lý điều hành hợp đồng hợp tác kinh doanh	125.294.631.790	103.798.146.276
Chi phí nhượng quyền khai thác	38.833.240.522	33.302.000.362
Chi phí hợp tác kinh doanh	21.967.752.162	-
Các chi phí khác	74.026.282.516	60.607.082.589
Cộng	584.376.443.079	473.404.728.261

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	161.727.823.093	156.944.361.177
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.691.320.307	2.996.341.441
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.544.906.047	7.978.999.718
Thuế, phí và lệ phí	8.029.069.838	8.437.910.706
Hoàn nhập/dự phòng phải thu khó đòi	39.460.824.000	(5.324.619.128)
Chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh	12.916.853.904	12.916.853.904
Chi phí dịch vụ tư vấn	2.775.208.449	2.800.650.934
Các khoản chi phí khác	36.501.973.166	31.609.490.677
Cộng	271.647.978.804	218.359.989.429

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	15.253.836	-
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	2.600.214.314
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi	7.083.746.695	7.527.869.484
Các khoản thu nhập khác	3.199.081.047	863.016.794
Cộng	10.298.081.578	10.991.100.592

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý tài sản cố định	33.124.409	-
Công cụ, dụng cụ thanh lý	18.006.822	61.730.640
Khấu hao các tài sản cố định không cần dùng chờ thanh lý	801.767.408	1.551.427.539
Chi phí do đánh giá lại tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	-	18.324.957.955
Tiền thuê đất tại Hồng Hà	467.021.574	-
Chi phí trích trước tiền thuê đất tại Hồng Hà	-	24.376.919.332
Các khoản chi phí khác	407.139.986	3.970.624.321
Cộng	1.727.060.199	48.285.659.787

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	290.321.741.698	245.739.952.311
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(30.483.782.878)	(25.802.694.993)
Trích thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	(1.451.608.708)	(1.228.699.762)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	258.386.350.112	218.708.557.557
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	132.026.540	131.500.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.957	1.663

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.563.464.721	80.106.853.143
Chi phí nhân công	306.057.492.673	282.652.145.493
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.050.716.729	44.426.561.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	400.150.115.115	337.229.003.247
Chi phí khác	185.404.640.859	106.355.052.710
Cộng	1.022.226.430.097	850.769.615.866

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1. Các giao dịch không bằng tiền

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	5.904.271.062	2.846.584.065
Công nợ trả trước mua sắm tài sản cố định	1.461.313.331	6.512.178.590

2. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Chi quỹ khen thưởng, phúc lợi	18.819.236.724	18.559.430.070
Chuyển tiền chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định về Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam	-	56.608.400.430
Cộng	18.819.236.724	75.167.830.500

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.250.909.091	5.767.575.758
Trên 1 năm đến 5 năm	6.120.000.000	10.584.509.259
Trên 5 năm	-	-
Cộng	8.370.909.091	16.352.085.017

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.937.454.544	2.494.772.727
Thù lao	540.000.000	547.000.000
Tiền thưởng	6.197.639.862	4.007.352.199
Cộng	9.675.094.406	7.049.124.926

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	Công ty liên kết
Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần phát triển Vườn Xanh	Công ty liên kết
Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH dịch vụ bảo dưỡng máy bay Cảng hàng không Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần vận tải hàng không Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần thương mại hàng không Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương	Cổ đông chiếm 24.94% vốn điều lệ
Công ty TNHH Thời trang và mỹ phẩm Âu Châu	Cổ đông chiếm lược của Công ty
Công ty TNHH Thời trang và mỹ phẩm Duy Anh	Cổ đông chiếm lược của Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần vận tải hàng không Miền Nam		
<i>Thu chi hộ tiền thuê mặt bằng</i>	7.049.691.353	11.126.021.122
<i>Mua hàng hóa và dịch vụ</i>	205.568.184	-
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	753.201.726	-
<i>Mua hàng hoá dịch vụ</i>	61.727.273	-
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam		
<i>Mua hàng và cung cấp dịch vụ trong năm</i>	293.544.884.113	221.063.220.763
<i>Mua hộ vé máy bay và các dịch vụ khác</i>	16.474.568.710	15.610.116.900
<i>Chia cổ tức</i>	110.309.072.800	-
<i>Phải nộp chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định</i>	-	34.990.602.020
<i>Phải trả về cổ phần hóa</i>	-	519.973.516
<i>Lợi nhuận và các quỹ phải nộp</i>	-	38.090.616.559
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn		
<i>Các nghiệp vụ thu chi hộ</i>	2.094.796.430	2.535.963.000
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	1.164.269.720	-
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội		
<i>Các nghiệp vụ thu chi hộ</i>	514.334.200	679.698.300
Công ty Cổ phần Thương Mại Hàng Không Miền Nam		
<i>Mua hàng hóa</i>	1.133.906.524	1.430.142.994
<i>Giao dịch khác</i>	28.354.642	11.840.518

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.5b, V.15 và V.21a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty và do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa miễn thuế: Bán hàng hóa tại các quầy miễn thuế tại sân bay Tân Sơn Nhất.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa tại Trung tâm thương mại và các Chi nhánh khác: Bán hàng hóa trong và ngoài sân bay Tân Sơn Nhất.
- Lĩnh vực kinh doanh phòng khách tại trung tâm thương mại: cung cấp dịch vụ phục vụ hành khách hạng thương gia tại các phòng khách sân bay Tân Sơn Nhất.
- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác: dịch vụ quảng cáo, thu đổi ngoại tệ, chế biến suất ăn, kinh doanh ăn uống, kinh doanh vận tải hành khách, kinh doanh du lịch, lữ hành quốc tế...

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được thực hiện tại Việt Nam và Nước ngoài.

Chi tiết doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thị trường Việt Nam	2.338.640.033.938	2.091.234.845.800
Thị trường Nước ngoài	30.754.867.145	18.807.135.988
Cộng	2.369.394.901.083	2.110.041.981.788

4. Số liệu so sánh

Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh theo Biên bản của kiểm toán Nhà nước tháng 5 năm 2017.

Ảnh hưởng của việc trình bày lại số liệu so sánh theo Biên bản của kiểm toán Nhà nước tháng 5 năm 2017 đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán tổng hợp				
Phải thu ngắn hạn khác	229.865.395.268	41.639.200.000	271.504.595.268	(i)
Tài sản cố định vô hình	25.964.533.637	126.666.870	26.091.200.507	(ii)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	37.627.863.204	(6.340.617)	37.621.522.587	(iii)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.343.466.713	8.241.158.917	12.584.625.630	(iv)
Phải trả người lao động	57.026.159.458	5.765.870.000	62.792.029.458	(v)
Lợi nhuận sau thuế chưa	142.609.615.007	27.752.497.336	170.362.112.343	(vi)

	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
phân phối				
Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.089.116.052.888	20.966.800.000	2.110.082.852.888	(vii)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	212.672.579.581	5.687.409.848	218.359.989.429	(viii)
Thu nhập khác	10.949.234.491	41.866.101	10.991.100.592	(ix)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	59.031.513.253	3.693.230.917	62.724.744.170	(x)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	234.111.926.975	11.628.025.336	245.739.952.311	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.584	79	1663	
Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp				
Lợi nhuận trước thuế	282.539.256.362	15.321.256.253	297.860.512.615	
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	44.553.228.143	(126.666.870)	44.426.561.273	(xi)
Tăng, giảm các khoản phải thu	(30.758.014.427)	(41.639.200.000)	(72.397.214.427)	
Tăng, giảm các khoản phải trả	49.864.056.148	26.444.610.617	76.308.666.765	

- (i) Phải thu ngắn hạn khác
 Ghi nhận tăng doanh thu năm 2016 Công ty được hưởng theo quy định tại Điểm b, Mục 2.2.2.1, Khoản 2.2, Điều 2 Hợp đồng số 68/IPGS/SASCO/HĐ, ngày 12/09/2013 về cung cấp và bán hàng hóa, sản phẩm tại các cửa hàng miễn thuế ở nhà ga Quốc tế Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất theo Biên bản kiểm toán Nhà nước 20.966.800.000
 Ghi nhận tăng doanh thu năm 2015 Công ty được hưởng theo quy định tại Điểm b, Mục 2.2.2.1, Khoản 2.2, Điều 2 Hợp đồng số 68/IPGS/SASCO/HĐ, ngày 12/09/2013 về cung cấp và bán hàng hóa, sản phẩm tại các cửa hàng miễn thuế ở nhà ga Quốc tế Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất theo Biên bản kiểm toán Nhà nước 20.672.400.000
Cộng 41.639.200.000
- (ii) Điều chỉnh lại giá trị quyền sử dụng đất theo thời gian sử dụng đất đối với 02 khu đất tại Phú Quốc, Kiên Giang theo Biên bản kiểm toán Nhà nước;
- (iii) Điều chỉnh lại giá trị quyền sử dụng đất theo thời gian sử dụng đất đối với khu đất tại Bến Tràm, Phú Quốc, Kiên Giang theo Biên bản kiểm toán Nhà nước;
- (iv) Điều chỉnh tăng thuế phải nộp theo Biên bản kiểm toán Nhà nước;
- (v) Điều chỉnh tăng quỹ lương năm 2016 do tăng doanh thu làm tăng tỷ lệ lãi gộp (quỹ lương bằng 27,5% tỷ lệ lãi gộp) theo Biên bản kiểm toán Nhà nước;
- (vi) Điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Biên bản kiểm toán Nhà nước
 Các điều chỉnh bao gồm:
 Điều chỉnh tăng doanh thu năm 2015 và năm 2016 theo Biên bản kiểm toán nhà nước 41.639.200.000
 Điều chỉnh lại giá trị quyền sử dụng đất theo thời gian sử dụng đất đối với 02 khu đất tại Phú Quốc, Kiên Giang theo Biên bản kiểm toán Nhà nước 126.666.870
 Điều chỉnh lại giá trị quyền sử dụng đất theo thời gian sử dụng đất đối với khu đất tại Bến Tràm, Phú Quốc, Kiên Giang theo Biên bản kiểm toán Nhà nước (6.340.617)

Điều chỉnh tăng thuế phải nộp theo Biên bản kiểm toán Nhà nước;	(8.241.158.917)
Điều chỉnh tăng quỹ lương năm 2016 do tăng doanh thu làm tăng tỷ lệ lãi gộp (quỹ lương bằng 27,5% tỷ lệ lãi gộp) theo Biên bản kiểm toán Nhà nước;	(5.765.870.000)
Cộng	<u>27.752.497.336</u>

- (vii) Ghi nhận tăng doanh thu năm 2016 Công ty được hưởng theo quy định tại Điểm b, Mục 2.2.2.1, Khoản 2.2, Điều 2 Hợp đồng số 68/IPGS/SASCO/HĐ, ngày 12/09/2013 về cung cấp và bán hàng hóa, sản phẩm tại các cửa hàng miễn thuế ở nhà ga Quốc tế Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất theo Biên bản kiểm toán Nhà nước;
- (viii) Điều chỉnh tăng chi phí quản lý doanh nghiệp theo Biên bản kiểm toán Nhà nước
Các điều chỉnh bao gồm:
Điều chỉnh lại giá trị quyền sử dụng đất theo thời gian sử dụng đất đối với 02 khu đất tại Phú Quốc, Kiên Giang theo Biên bản kiểm toán Nhà nước (126.666.870)
Điều chỉnh lại giá trị quyền sử dụng đất theo thời gian sử dụng đất đối với khu đất tại Bến Tràm, Phú Quốc, Kiên Giang theo Biên bản kiểm toán Nhà nước 6.340.617
Điều chỉnh tăng chi phí quản lý doanh nghiệp khác theo Biên bản kiểm toán Nhà nước 41.866.101
Điều chỉnh tăng quỹ lương năm 2016 do tăng doanh thu làm tăng tỷ lệ lãi gộp (quỹ lương bằng 27,5% tỷ lệ lãi gộp) theo Biên bản kiểm toán Nhà nước; 5.765.870.000
Cộng **5.687.409.848**
- (ix) Điều chỉnh tăng thu nhập khác năm 2016 theo Biên bản kiểm toán Nhà nước;
- (x) Điều chỉnh tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2016 theo Biên bản kiểm toán Nhà nước;
- (xi) Điều chỉnh lại khấu hao quyền sử dụng đất theo thời gian sử dụng đất đối với 02 khu đất tại Phú Quốc, Kiên Giang theo Biên bản kiểm toán Nhà nước.

5. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

5a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, thời gian tín dụng tối đa là 30 ngày, không cho tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	547.111.043.333	-	-	547.111.043.333
Chứng khoán kinh doanh	-	-	28.644.000.000	28.644.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	272.000.000.000	-	-	272.000.000.000
Phải thu khách hàng	69.002.408.599	7.809.329.327	13.970.308.681	90.782.046.607
Các khoản phải thu khác	105.151.101.115	-	298.828.118.885	403.979.220.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	107.246.251.500	-	2.800.000.000	110.046.251.500
Cộng	1.100.510.804.546	7.809.329.327	344.242.427.567	1.452.562.561.440
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	489.855.566.371	-	-	489.855.566.371
Chứng khoán kinh doanh	-	-	28.644.000.000	28.644.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	72.000.000.000	-	-	72.000.000.000
Phải thu khách hàng	87.387.847.872	4.584.902.726	7.921.500.891	99.894.251.489
Các khoản phải thu khác	270.284.533.226	-	265.201.570.705	535.486.103.931
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	100.045.701.500	-	-	100.045.701.500
Cộng	1.019.573.648.969	4.584.902.726	301.767.071.596	1.325.925.623.291

của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Quá hạn dưới 6 tháng	Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	Quá hạn trên 02 năm đến dưới 03 năm	Quá hạn trên 03 năm	Cộng
Số cuối năm						
Phải thu khách hàng	2.062.765.327	5.746.564.000	-	-	-	7.809.329.327
Các khoản phải thu khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	2.062.765.327	5.746.564.000	-	-	-	7.809.329.327
Số đầu năm						
Phải thu khách hàng	4.109.453.701	-	14.696.896	115.241.251	345.510.878	4.584.902.726
Các khoản phải thu khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	4.109.453.701	-	14.696.896	115.241.251	345.510.878	4.584.902.726

5b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	383.228.683.377	-	-	383.228.683.377
Vay và nợ	63.323.975.135	13.466.060.400	3.599.588.899	80.389.624.434
Các khoản phải trả khác	12.721.721.796	257.724.000	-	12.979.445.796
Cộng	459.274.380.308	13.723.784.400	3.599.588.899	476.597.753.607
Số đầu năm				
Phải trả người bán	315.465.446.485	-	-	315.465.446.485
Vay và nợ	119.374.957.640	2.596.800.000	-	121.971.757.640
Các khoản phải trả khác	28.902.919.816	357.724.000	-	29.260.643.816
Cộng	463.743.323.941	2.954.524.000	-	466.697.847.941

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

5c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa và nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa và nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho việc kinh doanh hàng miễn thuế và các khoản chi trả hộ chi phí dịch vụ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời

điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản trương đương tiền	8.465.211,30	52.501,52	2.540.392,50	20.962,25
Phải thu khách hàng	1.255.476,61	-	1.103.947,92	-
Các khoản phải thu khác	-	1.146.463,80	1.840.000,00	1.025.078,70
Phải trả người bán	(12.683.117,30)	(40.234,70)	(10.997.293,75)	(40.234,70)
Vay và nợ	(3.421.720,89)	-	(5.207.260,19)	-
Các khoản phải trả khác	(19.045,90)	-	(17.051,50)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(6.403.196,18)	1.158.730,62	(10.737.265,02)	1.005.806,25

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 2.911.533.303 VND (năm trước giảm/tăng 4.836.064.165 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 633.084.061 VND (năm trước giảm/tăng 479.709.233 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 80.389.624.434 VND, trong đó USD 3,421,720.89 (số đầu năm là 121.971.757.640 VND, trong đó USD 5,207,260.19).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính là 101.647.400.000 VND (số đầu năm là 49.362.776.500 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu.

5d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	547.111.043.333	-	489.855.566.371	-
Chứng khoán kinh doanh	28.644.000.000	(28.644.000.000)	28.644.000.000	(28.644.000.000)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	272.000.000.000	-	72.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	90.782.046.607	(14.162.015.972)	99.894.251.489	(7.921.500.891)
Các khoản phải thu khác	403.979.220.000	(298.395.469.624)	535.486.103.931	(264.539.032.041)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	110.046.251.500	(575.123.338)	100.045.701.500	-
Cộng	1.452.562.561.440	(341.776.608.934)	1.325.925.623.291	(301.104.532.932)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	383.228.683.377	315.465.446.485
Vay và nợ	80.389.624.434	121.971.757.640
Các khoản phải trả khác	12.979.445.796	29.260.643.816
Cộng	476.597.753.607	466.697.847.941

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2018


 Nguyễn Thị Thu
 Người lập biểu


 Tôn Nữ Diệu Trí
 Kế toán trưởng


 Đ. AN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN DỊCH VỤ
 HÀNG KHÔNG TÂN SƠN NHẤT
 Đoàn Thị Mai Hương
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hàng hóa tại miễn thuế	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa tại TTTM và các chi nhánh khác	Lĩnh vực phòng khách	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.171.138.108.598	348.944.397.996	343.821.035.693	510.648.275.377		2.374.551.817.664
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	(4.126.476.276)	-	(1.030.440.305)		(5.156.916.581)
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.171.138.108.598	344.817.921.720	343.821.035.693	509.617.835.072	-	2.369.394.901.083
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	142.312.790.515	63.377.144.292	143.205.087.350	72.285.884.299		421.180.906.456
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(219.986.921.069)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						201.193.985.387
Doanh thu hoạt động tài chính						135.884.954.914
Chi phí tài chính						4.211.633.946
Thu nhập khác						10.298.081.578
Chi phí khác						(1.727.060.199)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(55.209.426.130)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(4.330.427.798)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						290.321.741.698
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.108.446.633	12.778.493.137	14.333.435.480	44.499.740.517	-	72.720.115.767
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.598.385.661	7.210.840.981	7.535.801.880	55.565.180.990		71.910.209.512
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)		-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Hàng hóa tại miễn thuế	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa tại TTMM và các chi nhánh khác	Lĩnh vực phòng khách	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.028.180.232.773	321.794.683.444	304.323.821.866	467.757.184.922	-	2.122.055.923.005
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	(1.969.661.374)	-	(10.044.279.843)	-	(12.013.941.217)
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.028.180.232.773	319.825.022.070	304.323.821.866	457.712.905.079	-	2.110.041.981.788
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	126.474.065.664	40.846.245.578	148.349.340.649	67.140.726.234	-	382.810.378.125
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(166.580.252.213)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						216.230.125.912
Doanh thu hoạt động tài chính						174.713.526.761
Chi phí tài chính						(55.788.580.863)
Thu nhập khác						10.991.100.592
Chi phí khác						(48.285.659.787)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(62.724.744.170)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						10.604.183.866
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						245.739.952.311
	-	469.357.442	215.268.109	4.233.864.168	(3.427.244.313)	
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	599.869.625	726.070.258	20.301.095.565	49.680.077.443	-	71.307.112.891
	-	-	-	-	-	
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.818.799.744	1.999.249.501	3.759.758.172	59.564.329.238	-	67.142.136.655
	-	-	-	126.666.870	-	
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

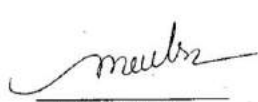
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)


Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hàng hóa tại miễn thuế	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa tại TTTM và các chi nhánh khác	Lĩnh vực phòng khách	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm	-	-	-	-	-	-
Tài sản trực tiếp của bộ phận	268.926.857.054	117.906.328.177	69.401.469.916	440.310.705.993	-	896.545.361.140
Tài sản phân bổ cho bộ phận	19.659.074.354	5.788.216.703	5.771.482.676	8.554.597.308	-	39.773.371.041
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	1.213.458.778.856
Tổng tài sản						2.149.777.511.037
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	355.332.809.191	26.285.622.561	14.217.243.065	87.872.994.548	-	483.708.669.365
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	28.247.565.961	8.316.924.295	8.292.879.647	12.291.858.070	-	57.149.227.973
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	66.500.330.228
Tổng nợ phải trả						607.358.227.566
Số đầu năm	-	-	-	-	-	-
Tài sản trực tiếp của bộ phận	306.214.918.710	122.266.125.851	61.029.013.144	606.903.081.672	-	1.096.413.139.377
Tài sản phân bổ cho bộ phận	28.002.489.443	8.764.078.455	8.288.259.526	12.739.367.297	-	57.794.194.722
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	911.421.391.806
Tổng tài sản						2.065.628.725.905
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	375.085.154.213	27.966.686.238	11.291.141.069	70.980.410.752	-	485.323.392.272
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	27.449.320.243	8.590.950.338	8.124.530.873	12.487.710.185	-	56.652.511.639
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	37.708.047.928
Tổng nợ phải trả						579.683.951.839


 Nguyễn Thị Thu
 Người lập


 Tôn Nữ Diệu Trí
 Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2018


 Đoàn Thị Ngọc Hương
 Tổng Giám đốc

M.S.D.N.: 0301160701
 CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT